



BẢN TIN THÔNG TIN

Lý luận & Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN



- **GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI THỂ CHẾ**
- **TƯ DUY, NHẬN THỨC MỚI VỀ QUỐC PHÒNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG**
- **THÁI NGUYÊN CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KỶ NGUYÊN MỚI**





Đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng phát biểu chỉ đạo tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo mô hình “Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức và giá trị mới” do Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức.



Đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng chủ trì tại điểm cầu Nhà trường tham dự Hội nghị tập huấn triển khai thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử.



**Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS, TS PHẠM VIỆT ĐỨC**

Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Hội đồng Biên tập

PHẠM VIỆT ĐỨC

NGUYỄN PHÚC ÁI

ĐẶNG THỊ KIM OANH

ĐỖ TÀI

NGÔ THỊ HỒNG NHUNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY

VŨ MẠNH HÀ

CÙ THỊ THU TRANG

LÊ MINH HƯỜNG

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở: số 330/1, đường Bắc Kạn,

P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.757.284

Fax: 02083.752.295

Trình bày: **Đức Hiếu**

Giấy phép xuất bản số 92/GP-XBBT do
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái
Nguyên cấp ngày 10 tháng 3 năm 2026.
In 200 cuốn khổ 19x27cm, tại Công ty cổ
phần In Bắc Kạn. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 7 năm 2026.

Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn

**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

MỤC LỤC

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO - CHỈ ĐẠO

* **TS Nguyễn Phúc Ái:** Giảng viên trường chính trị
tỉnh, thành phố trong bối cảnh đổi mới thể chế.....3

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* **ThS Ngô Thị Hồng Nhung:** Đổi mới công tác
kiểm tra, giám sát góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ
luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới
theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng....8

* **ThS Vũ Mạnh Hà:** Tư duy, nhận thức mới về
quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong Nghị quyết Đại
hội XIV của Đảng.....11

* **ThS Nguyễn Thị Hồng Mây:** Quản trị gần dân,
sát dân trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
.....14

* **ThS Nguyễn Thành Chung:** Thực trạng và giải
pháp nâng cao hiệu quả mô hình đồng giảng của
giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....17

* **ThS Ma Trần Thu Hường:** Nâng cao chất lượng
hoạt động trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu
xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt
chuẩn mức 2.....20

* **ThS Lương Thu Hà:** Nâng cao hiệu quả phối hợp
giữa Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên và các sở,
ngành trong bồi dưỡng kỹ năng cho công chức cấp
xã.....23

* **ThS Ma Thị Hồng Minh:** Trường Chính trị
tỉnh Thái Nguyên chú trọng đổi mới công tác chính
trị, tư tưởng theo Quy định số 19-QĐ/TW, ngày
08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XIV.....26

* ThS Phùng Thị Thu Phương: Thái Nguyên chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.....	29	* ThS Nguyễn Thị Dân: Những điều kiện, tiền đề cần thiết để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.....	49
* ThS Nguyễn Thị Thu Huyền: Triết lý “đi bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.....	31	* ThS Nguyễn Thị Giang: Phát triển văn hóa đọc trên môi trường số tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....	51
* ThS Nguyễn Thị Hải Yến: Cập nhật Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào chuyên đề “Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ” trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị.....	34	* ThS Lê Chí Trung: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực phát triển đất nước nhìn từ thực tiễn 40 năm đổi mới.....	54
MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM			
* ThS Đàm Thị Hạnh: Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong làn sóng toàn cầu hóa và truyền thông số ở tỉnh Thái Nguyên hiện nay.....	37	* ThS Nguyễn Ngọc Minh: Phát huy vai trò tiên phong của đảng viên trong xây dựng “Chi bộ 4 tốt” tại Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....	57
* TS Nguyễn Thị Thùy Dương: Vai trò của lao động trí tuệ trong việc tạo ra giá trị thặng dư - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.....	40	* ThS Trần Trọng Nhất: Phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.....	60
TIN TỨC - SỰ KIỆN			
* ThS Lục Thị Minh Phương: Nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ quan Đảng của tỉnh Thái Nguyên hiện nay.....	44	* ThS Nguyễn Thị Hải Yến: Sự kiện nổi bật tháng 6, tháng 7 năm 2026 tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....	63
* ThS Bùi Thanh Thảo: Gắn lý luận với thực tiễn trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp.....	46		

Ảnh bìa 1: Đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng chủ trì tại điểm cầu Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị trực tuyến tập huấn, bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng giảng dạy theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI THỂ CHẾ

TS Nguyễn Phúc Ái
Phó Hiệu trưởng

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã khẳng định quyết tâm chiến lược trong việc thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Một trong những nhiệm vụ đột phá then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, tư duy quản trị hiện đại và tận tụy phục vụ Nhân dân. Thể chế hóa tinh thần đó, Luật Viên chức năm 2025 (Luật số 129/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) thể hiện tính bước ngoặt, thay đổi tư duy quản lý nhân sự hành chính sang tư duy quản trị hiệu quả dựa trên sản phẩm đầu ra, năng lực vị trí việc làm và trách nhiệm giải trình; đánh dấu bước đột phá tư duy thể chế nhằm xây dựng đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, liêm chính, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh mới.

Đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hệ thống chính trị cấp cơ sở, sự tác động cộng hưởng giữa các điểm mới của Luật Viên chức năm 2025 và hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn mới ban hành về tiêu chuẩn trường chính trị chuẩn đang đặt ra những yêu cầu, thách thức mang tính toàn diện đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.

1. Những điểm mới cốt lõi của Luật Viên chức năm 2025 và hệ thống văn bản chuyên ngành

Luật Viên chức năm 2025 được ban hành nhằm giải phóng năng lực sáng tạo của viên chức; đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong khu vực công thông qua các nhóm quy định mang tính đột phá.

Thứ nhất, luật hóa nghĩa vụ chính trị tối cao và yêu cầu kỷ luật phát ngôn nghiêm ngặt. Thể chế hóa các yêu cầu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Luật Viên chức năm 2025 bổ sung vào Điều 7 nghĩa vụ hàng đầu của viên chức là: “Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Đồng thời, Điều 10 của Luật quy định rõ hành vi nghiêm cấm viên chức đăng tải, phát tán thông tin chưa được kiểm chứng, sai lệch làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Nhà nước trên không gian mạng.

Thứ hai, dịch chuyển phương thức đánh giá viên chức từ định tính sang định lượng theo sản phẩm cụ thể. Thay thế cho cơ chế đánh giá định tính trước đây, Điều 28 của Luật quy định việc đánh giá viên chức phải dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, gắn chặt với vị trí việc làm và được lượng hóa bằng các sản phẩm cụ thể.

Thứ ba, tạo hành lang pháp lý bảo vệ viên chức đổi mới, sáng tạo. Cụ thể hóa Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; nguyên tắc quản lý viên chức tại Điều 3 của Luật bổ sung tiêu chí: “Khuyến khích, bảo vệ viên chức đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”.

Thứ tư, số hóa công tác quản lý và áp dụng nguyên tắc “hồi tố” kỷ luật. Luật quy định hồ sơ viên chức phải được số hóa hoàn toàn, cập nhật liên tục vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Bên cạnh đó, Điều 42 của Luật bổ sung hình thức xử lý vi phạm pháp luật đối với cả viên chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu nếu phát hiện có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong thời gian công tác.

Để đánh giá đúng những vấn đề đặt ra cho giảng viên trường chính trị, các điểm mới trên phải được đặt trong chỉnh thể đồng bộ với hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn chuyên ngành vừa được ban hành đầu năm 2026: Quy định số 393-QĐ/TW, ngày 05/01/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố (Quy định số 393-QĐ/TW); Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; Hướng dẫn số 360-HD/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc đánh giá, công nhận trường chính trị đạt chuẩn (Quy định số 396-QĐ/TW); Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị (Quy định số 350-QĐ/TW) và bộ quy chế chuyên môn về công tác trường chính trị theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG). Sự kết hợp này đã tạo ra một “áp lực kép”, buộc giảng viên trường chính trị phải tự thực hiện một cuộc cách mạng bản thân qua những yêu cầu cốt lõi.

2. Những yêu cầu cốt lõi đối với giảng viên trường chính trị trong bối cảnh đổi mới thể chế

Một là, thay đổi tư duy từ “giữ biên chế” sang “tạo giá trị”. Hệ lụy lớn nhất của cơ chế hành chính cũ là tâm lý “an phận thủ thường”, coi chiếc ghế biên chế như một

tấm khiên bảo hộ suốt đời. Luật Viên chức năm 2025 tạo đột phá khi xóa bỏ hoàn toàn tư duy cào bằng, thiết lập cơ chế phân phối thu nhập dựa trên hiệu quả công việc và sự đóng góp thực tế. Người giảng viên hiện nay phải triệt để đoạn tuyệt với tư duy “giữ biên chế” để chuyển dịch mạnh mẽ sang tư duy “tạo giá trị”. Biên chế không còn là đích đến an toàn mà chính năng lực tạo ra giá trị, thông qua những giờ giảng chất lượng, những công trình nghiên cứu sâu sắc và những tham mưu kiến nghị, đề xuất, tư vấn chính sách thiết thực mới là thước đo cho vị trí công tác và sự tôn trọng của tổ chức dành cho người thầy.

Hai là, học tập suốt đời là yêu cầu bắt buộc. Lý luận chính trị không phải là những giáo điều xơ cứng mà là dòng chảy sinh động, liên tục được bồi đắp bởi thực tiễn cách mạng. Trong kỷ nguyên tri thức số, nếu dừng lại có nghĩa là lùi bước. Học tập suốt đời không còn là khẩu hiệu khuyến khích mang tính phong trào mà đã trở thành nghĩa vụ pháp lý, một yêu cầu bắt buộc được quy định rõ trong Thông tư số 03/2026/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức. Người giảng viên phải chủ động, tự giác làm giàu kho tàng tri thức của mình: Từ tri thức lý luận kinh điển, tư duy quản trị hiện đại đến thực tiễn sinh động của địa phương. Chỉ có tinh thần tự học không ngừng nghỉ mới giúp người thầy đứng vững trên bục giảng với tư cách là người dẫn đường tri thức.

Ba là, làm chủ trí tuệ nhân tạo và công nghệ số, thực hiện tốt mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới, lấy người học làm trung tâm. Sự phát triển vũ bão của trí tuệ nhân tạo (AI tạo sinh), công nghệ số đang tái định hình giáo dục toàn cầu. Bộ quy chế mới theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG của

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh yêu cầu giảng viên phải làm chủ các công cụ này để nâng cao chất lượng công việc, thay đổi hoàn toàn phương pháp giảng dạy truyền thống.

Đối tượng học viên trường chính trị phần lớn là những cán bộ, công chức, viên chức dày dạn kinh nghiệm thực tế. Vì vậy, người giảng viên phải từ bỏ lối dạy “độc thoại”, áp đặt một chiều để chuyển sang mô hình đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới. Giảng viên phải tận dụng linh hoạt các ứng dụng AI để xây dựng kịch bản tình huống, thiết lập không gian số, học liệu số; học viên là trung tâm của buổi học; giảng viên và học viên cùng đối thoại, tranh biện và cùng đúc kết các vấn đề lý luận cũng như những giải pháp cho các vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bốn là, coi nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên. Một bài giảng lý luận sẽ trở nên vô hồn, sáo rỗng nếu tách rời hơi thở của đời sống thực tiễn. Quy định số 396-QĐ/TW và Hướng dẫn số 360-HD/HVCTQG về trường chính trị chuẩn đã lượng hóa các chỉ số khoa học bắt buộc quy đổi cho mỗi giảng viên hằng năm. Nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, là “đôi cánh” song hành cùng hoạt động giảng dạy. Giảng viên phải trực tiếp đi vào thực tiễn cơ sở, nhìn nhận các “điểm nghẽn” trong phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, xây dựng Đảng... tại địa phương để khái quát thành các đề tài, sáng kiến cấp thiết. Gắn thực tiễn với bài giảng và dùng lý luận giải quyết thực tiễn chính là nhiệm vụ chính của giảng viên trường chính trị.

Năm là, xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm khi sử dụng mạng xã hội. Điều 7 và Điều 10 Luật Viên chức năm 2025 đã luật hóa nghĩa vụ trung thành

chính trị và siết chặt kỷ luật phát ngôn của viên chức. Đối với giảng viên trường chính trị, những người làm công tác tư tưởng của Đảng, yêu cầu này càng mang tính tuyệt đối. Mỗi giảng viên phải tiên phong xây dựng văn hóa số lành mạnh, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực. Khi “bước lên” không gian mạng, người thầy phải ý thức sâu sắc về trách nhiệm giải trình và tính định hướng trong mọi phát ngôn, chia sẻ của mình. Không mơ hồ, không dao động, chuẩn mực trên không gian ảo, tích cực đấu tranh bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Sáu là, chủ động thích ứng với quản lý theo vị trí việc làm và đánh giá theo kết quả. Cơ chế đánh giá định tính, cảm tính trước đây chính thức khép lại khi Luật Viên chức năm 2025 áp dụng triệt để phương thức quản lý theo vị trí việc làm và đánh giá bằng các sản phẩm định lượng. Giảng viên cần chủ động thích ứng, tự soi năng lực bản thân vào bản mô tả công việc của vị trí đang đảm nhiệm. Mỗi cá nhân phải tự lập kế hoạch hành động để bảo đảm các chỉ số đầu ra: từ số giờ giảng, chất lượng bài giảng... đến số đề tài khoa học được nghiệm thu, bài báo khoa học xuất bản. Cần phải để cho sản phẩm thực tế lên tiếng và khẳng định giá trị chuyên môn của người giảng viên.

Bảy là, tăng cường phối hợp, chia sẻ tri thức và làm việc theo nhóm. Mọi thách thức phức tạp của thực tiễn quản lý nhà nước hiện nay đều mang tính liên ngành, không một cá nhân đơn lẻ nào có thể giải quyết trọn vẹn. Mô hình trường chính trị chuẩn đòi hỏi giảng viên phải phá bỏ tư duy cục bộ, khép kín trong từng khoa, từng môn học. Việc tăng cường phối hợp, chủ động chia sẻ

tri thức và xây dựng văn hóa làm việc theo nhóm là yêu cầu tất yếu. Sự kết hợp giữa kinh nghiệm của các giảng viên đi trước và tư duy công nghệ nhạy bén của giảng viên trẻ sẽ tạo nên sức mạnh cộng hưởng, nâng tầm các công trình nghiên cứu khoa học lớn và các chương trình bồi dưỡng liên ngành của nhà trường.

Tám là, nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ. Luật Viên chức năm 2025 bổ sung nguyên tắc “hồi tố” kỷ luật tại Điều 42 như một thông điệp mạnh mẽ về tính nghiêm minh của pháp luật. Người giảng viên phải nâng cao tối đa trách nhiệm giải trình trong mọi hoạt động chuyên môn. Từ việc bảo đảm tính chính xác, khách quan của tri thức truyền đạt, tính bảo mật và trung thực trong nghiên cứu khoa học, cho đến sự công tâm, minh bạch trong kiểm tra, đánh giá học viên theo đúng Bộ quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG. Trách nhiệm giải trình cao chính là tấm gương phản chiếu danh dự, uy tín và đạo đức của người thầy.

Chín là, mỗi giảng viên phải trở thành chủ thể của đổi mới, không chỉ là người thực hiện. Cụ thể hóa Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, Luật Viên chức năm 2025 đã xây dựng hành lang pháp lý vững chắc để bảo vệ những viên chức dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới không phải là mệnh lệnh hành chính từ trên áp xuống mà phải bắt nguồn từ khát vọng tự thân của mỗi cá nhân.

Mỗi giảng viên trường chính trị phải tự định vị mình là chủ thể của sự đổi mới, chứ không đơn thuần là người thực hiện một cách thụ động. Cần chủ động đề xuất các sáng kiến cải tiến quy trình công tác, mạnh dạn áp dụng thử nghiệm các phương pháp

giảng dạy tích cực kết hợp sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại hỗ trợ và hiến kế cho Ban Giám hiệu những giải pháp chiến lược nhằm đưa nhà trường đạt chuẩn và phát triển bền vững.

3. Một số giải pháp thúc đẩy thực thi hiệu quả thể chế tại các trường chính trị tỉnh, thành phố hiện nay

Đề đưa các yêu cầu trên đi vào thực chất, biến áp lực thể chế thành động lực nội sinh mạnh mẽ, thiết nghĩ các trường chính trị cấp tỉnh cần chủ động triển khai đồng bộ 4 nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, chuẩn hóa thể chế nội bộ và hệ thống KPIs dựa trên sản phẩm cụ thể. Các trường chính trị cần căn cứ vào Luật Viên chức năm 2025, Quy định số 396-QĐ/TW và Bộ quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG để rà soát, sửa đổi toàn bộ quy chế hoạt động nội bộ của nhà trường. Trọng tâm là xây dựng Quy chế đánh giá viên chức hằng tháng, quý, năm theo phương pháp chỉ số hiệu quả công việc (KPI) gắn với sản phẩm cụ thể, phân bổ trọng số điểm hợp lý giữa các hoạt động chuyên môn.

Kết quả KPI phải được sử dụng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét thi đua - khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, bổ nhiệm và chi tiền thưởng, thu nhập tăng thêm từ các nguồn thu hợp pháp của nhà trường theo đúng Điều 1 của Luật Viên chức năm 2025.

Thứ hai, đổi mới quản trị và đào tạo thông qua xây dựng hệ sinh thái số. Chuyển đổi số phải được xác định là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu năng quản lý và chất lượng đào tạo theo tinh thần Thông tư số 03/2026/TT-BNV. Các trường chính trị cấp tỉnh cần tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, xây dựng hệ thống phòng học thông minh, triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến, số hóa 100% hồ sơ viên chức và quy

trình đào tạo. Đồng thời, tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng AI tạo sinh vào công tác giảng dạy lý luận chính trị, khuyến khích giảng viên áp dụng các mô hình lớp học hiện đại như Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) để tối ưu hóa tính tương tác, lấy học viên làm trung tâm.

Thứ ba, đẩy mạnh cơ chế “đặt hàng” khoa học gắn với thực tiễn phát triển của địa phương. Để giải bài toán thiếu hụt sản phẩm nghiên cứu khoa học chất lượng cao theo yêu cầu của trường chính trị chuẩn, Ban Giám hiệu nhà trường cần tăng cường chủ động phối hợp với các ban Đảng, sở, ngành, chính quyền cấp xã tại địa phương để “đặt hàng” các đề tài nghiên cứu khoa học, đề án tổng kết thực tiễn. Giao nhiệm vụ trực tiếp cho các khoa chuyên môn và từng giảng viên làm chủ nhiệm hoặc thành viên thực hiện các đề tài gắn chặt với việc giải quyết các điểm nghẽn thực tế tại cơ sở. Kết quả nghiệm thu vừa là sản phẩm cụ thể để đánh giá năng lực viên chức, vừa là nguồn thu sự nghiệp hợp pháp nâng cao đời sống cho đội ngũ.

Thứ tư, tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trên không gian mạng xã hội. Nghĩa vụ trung thành với Đảng và kỷ luật phát ngôn đòi hỏi nhà trường phải duy trì thường xuyên công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Tổ chức cho 100% viên chức ký cam kết không vi phạm các quy định về phát ngôn, đặc biệt là trên không gian mạng xã hội. Vận hành hiệu quả Ban Chỉ đạo 35 tại Nhà trường nhằm định hướng tư tưởng, cung cấp thông tin chính thống kịp thời cho giảng viên; lấy kết quả tham gia viết bài đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các báo, tạp chí, bản tin, website; các tác phẩm tham gia các cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng làm tiêu chí để đánh giá đạo đức nghề nghiệp của viên chức hằng năm.

Có thể khẳng định rằng, việc dịch chuyển thể chế từ Luật Viên chức năm 2025 và hệ thống văn bản năm 2026 của Đảng, Nhà nước và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh không đơn thuần là sự thay đổi của những chương điều pháp lý mà thực chất là một cuộc sát hạch toàn diện mang tính sàng lọc khách quan đối với đội ngũ giảng viên trường chính trị.

Để đồng hành cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, người giảng viên không có con đường nào khác ngoài việc chủ động dần thân, tự làm mới mình bằng tinh thần cách mạng triệt để. Chuyển từ tư duy “giữ biên chế” sang “tạo giá trị”, làm chủ công nghệ, tinh thông thực tiễn và khát khao đổi mới sáng tạo. Đó chính là lời khẳng định đanh thép nhất về bản lĩnh, trí tuệ và sứ mệnh cao cả của người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Viên chức năm 2025* (Luật số 129/2025/QH15).
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2026), *Quy định số 393-QĐ/TW*, ngày 05/01/2026 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố.
4. Ban Bí thư (2026), *Quy định số 396-QĐ/TW*, ngày 06/01/2026 về trường chính trị chuẩn.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Hướng dẫn số 360-HD/HVCTQG*, ngày 20/3/2026 về việc đánh giá, công nhận trường chính trị đạt chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của quy định về trường chính trị chuẩn.
6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG*, ngày 20/3/2026 ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị.
7. Bộ Nội vụ (2026), *Thông tư số 03/2026/TT-BNV* ngày 26/3/2026 hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG KỶ CƯƠNG, KỶ LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

ThS Ngô Thị Hồng Nhung

*Trưởng phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng
và nghiên cứu khoa học*

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định công tác kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo quan trọng, là phương thức bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả trong thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Có kiểm tra mới biết rõ cán bộ, mới biết rõ công việc; không kiểm tra coi như không lãnh đạo”. Lời dạy của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ, thuận lợi đan xen cùng không ít khó khăn, thách thức.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định yêu cầu tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, công tác kiểm tra, giám sát còn là công cụ quan trọng để kiểm soát quyền lực, phòng ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đây cũng là

giải pháp hữu hiệu nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, ở đâu công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên thì ở đó kỷ luật, kỷ cương được giữ vững, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên. Ngược lại, nơi nào buông lỏng kiểm tra, giám sát thì dễ phát sinh vi phạm, tham nhũng, tiêu cực, gây ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

1. Những kết quả nổi bật trong công tác kiểm tra, giám sát thời gian qua

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng chỉ rõ: Đẩy mạnh việc chuyển trọng tâm sang giám sát thường xuyên, chuyển từ bị động sang chủ động, ngay từ đầu và xuyên suốt trên mọi mặt công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của cấp ủy các cấp. Đặc biệt, trong việc triển khai các chủ trương, quyết sách lớn mang tính đột phá của Đảng về phát triển đất nước; bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả ở tất cả các cấp.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường có nhiều đổi mới đi vào chiều sâu; các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt được kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công

tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị¹.

Hệ thống thể chế về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn. Tăng cường tính chủ động, quyết liệt thực hiện nhiệm vụ rất khó, chưa có tiền lệ; mở rộng đối tượng kiểm tra, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Giám sát chuyên đề được chú trọng, thực chất hơn, góp phần cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên đạt kết quả tích cực. Nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, dư luận quan tâm đã được xử lý nghiêm minh, dứt điểm; nhiều vụ việc mới phát sinh được kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời².

Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát việc

kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Việc kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, khi có dấu hiệu vi phạm đạt kết quả tích cực. Chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Ủy ban kiểm tra các cấp đã phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong khối nội chính, cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi nhiệm vụ; có nhiều đổi mới trong cách thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, bám sát các chủ trương mới của Trung ương để triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời, khẩn trương. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên đã góp phần cảnh tỉnh, răn đe và giáo dục cán bộ, đảng viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn một số hạn chế như: chất lượng kiểm tra ở một số nơi chưa đồng đều; việc phát hiện vi phạm từ cơ sở còn chậm; một số tổ chức đảng chưa thực sự coi trọng công tác tự kiểm tra; năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra ở một số địa phương còn hạn chế; việc ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2. Những yêu cầu mới đối với công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Thứ nhất, chuyển mạnh từ kiểm tra, xử lý vi phạm sang chủ động phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro. Một trong những điểm nhấn quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa; không chỉ tập trung xử lý vi phạm khi đã xảy ra mà phải chủ động nhận diện nguy cơ, kịp thời cảnh báo và ngăn chặn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

¹ Trong nhiệm kỳ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã kiểm tra **232.401** tổ chức đảng và **1.284.298** đảng viên (Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã xây dựng, ban hành Chương trình kiểm tra hàng năm và thành lập 31 đoàn kiểm tra do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng đoàn, kiểm tra đối với 83 tổ chức đảng trực thuộc Trung ương), giảm 12% tổ chức đảng, tăng 4,91% đảng viên, tăng 6% cấp ủy viên so với nhiệm kỳ XII. Qua kiểm tra, đã kết luận 8.549 tổ chức và 26.538 đảng viên thực hiện chưa tốt nội dung được kiểm tra, trong đó có 4.567 tổ chức và 14.842 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, phải thi hành kỷ luật 78 tổ chức và 1.115 đảng viên, đã thi hành kỷ luật 42 tổ chức và 900 đảng viên.

² Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 13.612 tổ chức đảng và 38.385 đảng viên (có 85.639 cấp ủy viên); kết luận 8.766 tổ chức đảng và 30.107 đảng viên có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 1.156 tổ chức đảng và 13.847 đảng viên. Riêng Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 99 tổ chức đảng, 297 đảng viên; qua kiểm tra đã thi hành kỷ luật 84 tổ chức đảng và 29 đảng viên; đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 26 tổ chức đảng và 61 đảng viên (có 10 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng); yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới thi hành kỷ luật 70 tổ chức đảng và 185 đảng viên.

XIV của Đảng tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, lấy phòng ngừa là chính, xử lý nghiêm minh là biện pháp quan trọng nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Điều này đòi hỏi công tác kiểm tra, giám sát phải đổi mới theo hướng tăng cường giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề, giám sát trách nhiệm người đứng đầu; chú trọng phát hiện dấu hiệu vi phạm ngay từ khi mới phát sinh, tránh để xảy ra vi phạm kéo dài dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Đồng thời, coi trọng công tác tự kiểm tra trong nội bộ các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; nâng cao tính tự giác của cán bộ, đảng viên trong chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng.

Thứ hai, tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ việc tham nhũng, tiêu cực đều có nguyên nhân sâu xa từ việc lạm dụng quyền lực, buông lỏng kiểm soát trong công tác cán bộ. Vì vậy, việc thực hiện nghiêm Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Quy định này đã bổ sung nhiều cơ chế nhằm ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền, tác động không đúng quy định vào công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá cán bộ; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong từng khâu của công tác cán bộ.

Theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, kiểm tra, giám sát phải tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như công tác cán bộ, quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính - ngân sách, đấu thầu, mua sắm công và quản lý tài sản công. Đây là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến việc thực thi quyền lực nhà nước và ảnh hưởng lớn đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Thứ ba, thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực trong chính hoạt động kiểm tra, giám

sát. Một điểm mới rất quan trọng là Đảng không chỉ yêu cầu kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ mà còn kiểm soát quyền lực ngay trong các cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm toán.

Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị đã xác lập cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; yêu cầu mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ, quyền hạn phải gắn với trách nhiệm, nghiêm cấm việc lợi dụng hoạt động kiểm tra, giám sát để vụ lợi cá nhân, gây khó khăn hoặc bao che cho vi phạm.

Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy xây dựng Đảng, thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc “nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế”, bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát thực sự khách quan, công tâm, minh bạch.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và xây dựng chính quyền số, công tác kiểm tra, giám sát cũng cần đổi mới mạnh mẽ về phương thức thực hiện. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, số hóa hồ sơ đảng viên, hồ sơ kiểm tra, giám sát; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng quản lý số sẽ giúp nâng cao hiệu quả phát hiện dấu hiệu vi phạm, giảm phụ thuộc vào báo cáo thủ công, tăng tính công khai, minh bạch và khả năng giám sát liên thông giữa các cơ quan.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát là yêu cầu cấp thiết trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, trong bối cảnh bộ máy hành chính đang được tinh gọn, hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Đây không chỉ là giải pháp quan trọng nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng mà còn là điều kiện bảo đảm cho sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

(Xem tiếp trang 39)

TƯ DUY, NHẬN THỨC MỚI VỀ QUỐC PHÒNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

ThS Vũ Mạnh Hà

Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệm kỳ 2026 - 2031 là sự kiện chính trị đặc biệt trọng đại của đất nước. Sự thành công của Đại hội đánh dấu bước ngoặt chiến lược, khởi đầu kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đây là Đại hội của ý chí, tự chủ chiến lược, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc và khát vọng vươn lên vì một nước Việt Nam hùng cường thịnh vượng. Đại hội đã xác định rõ “tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trực tiếp quyết định bảo đảm và bảo vệ cao nhất đến lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang biến động sâu sắc, nhanh chóng, phức tạp khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra gay gắt trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị, quân sự đến kinh tế, khoa học - công nghệ và không gian mạng. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ. Các nước đã có những điều chỉnh chiến lược phát triển nhằm thích ứng với tình hình hiện nay như: Tăng ngân sách quốc phòng, chạy đua vũ trang ngày càng quyết liệt, đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, tăng cường năng lực quân sự với những thế hệ vũ khí mới. Cùng đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên các lĩnh vực. Sự xuất hiện của các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại đã làm thay đổi cơ bản tổ chức quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh.

Sau 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của

Nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bên cạnh thời cơ, thuận lợi cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch, phản động ngày càng ráo riết với nhiều hình thức, thủ đoạn thâm hiểm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng, nhất là an ninh mạng, khủng bố, thiên tai, dịch bệnh hết sức phức tạp, khó lường.

Xuất phát từ những thay đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước, cũng như yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, Đảng ta đã có bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận, nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1. Về mục tiêu quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: Bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên định bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng kế thừa, phát triển các nội dung về bảo vệ Tổ quốc từ các kỳ đại hội trước. Đồng thời bổ sung mục tiêu “Bảo đảm cao nhất lợi

ích quốc gia - dân tộc” lên trên hết, trước hết; “bảo vệ uy tín, vị thế quốc tế của đất nước”, “bảo vệ an ninh con người”, “an ninh kinh tế, an ninh mạng”; “tăng cường quốc phòng toàn dân, phòng thủ chủ động; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong”, giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, phát triển đất nước. Đây là quan điểm, chủ trương thể hiện sâu sắc sự phát triển tư duy mới của Đảng đối với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, là định hướng chiến lược để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

2. Về nhiệm vụ quốc phòng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: Tăng cường quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân; trong đó, Quân đội nhân dân là nòng cốt, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại; xây dựng khu vực phòng thủ chủ động vững chắc. Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại; phát triển kinh tế vùng; xây dựng, phát triển kinh tế quốc phòng biển đảo; tăng cường tiềm lực quốc phòng trên các địa bàn chiến lược trọng điểm.

Đồng thời, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng cũng xác định: Tăng cường tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia; nâng cao khả năng huy động đáp ứng yêu cầu trong mọi tình huống quốc phòng. Tiềm lực

quốc phòng là khả năng về nhân lực, vật lực, tinh thần ở trong nước và ngoài nước có thể huy động được để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Xây dựng tiềm lực quốc phòng cần xây dựng đồng bộ, thống nhất các tiềm lực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; khoa học - công nghệ; quân sự; phải bắt đầu từ xây dựng thể trận quân sự, dựa vào Nhân dân, xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần, lấy xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc là then chốt.

3. Về xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại

Xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại là chủ trương lớn, thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược của Đảng, Nhà nước ta đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là đòi hỏi khách quan, nhằm bảo đảm đủ sức mạnh hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong tình hình mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV khẳng định: Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm cho Quân đội luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển, sẵn sàng tham gia và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương.

4. Về xây dựng công nghiệp quốc phòng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại. Cùng với việc tiếp tục khẳng định tính lưỡng dụng, hiện đại trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng bổ sung thêm các thành tố “tự chủ, tự lực, tự cường, hiện đại” trong phát triển công nghiệp quốc phòng nhằm phát huy nội lực, tự lực tiến tới tự chủ chiến lược trong suốt quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất và phát triển; làm chủ một số công nghệ nền,

công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; nghiên cứu thiết kế, chế tạo thành công nhiều chủng loại vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại, công nghệ cao. Sản phẩm công nghiệp quốc phòng ngày càng đa dạng, lưỡng dụng, bảo đảm chất lượng, đóng góp tích cực vào tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, khắc phục hậu quả chiến tranh.

Từ tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng sẽ đi vào cuộc sống khi được cụ thể hóa bằng nhận thức đúng, quyết tâm cao và hành động thiết thực của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên. Vì vậy, trách nhiệm được đặt ra một cách nghiêm túc, rõ ràng, sát với chức trách, nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

Một là, đối với cấp ủy đảng các cấp, cần quán triệt sâu sắc tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của Đảng, đưa nội dung này vào nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch công tác, chương trình hành động hằng năm và từng giai đoạn. Quá trình tổ chức thực hiện phải xác định rõ mục tiêu, lộ trình, bước đi phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của địa phương, tránh hình thức.

Hai là, đối với cán bộ lãnh đạo, mỗi cán bộ, nhất là cán bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Cán bộ phải thực sự là lực lượng đi đầu trong đổi mới tư duy, đổi mới phương pháp công tác, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để quần chúng học tập và làm theo.

Ba là, đối với đảng viên, cần nhận thức rõ tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của Đảng là một trong những yêu cầu trọng yếu để bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ trong tình hình mới. Mỗi đảng viên, cần chủ động học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ về mọi mặt, biến tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của Đảng thành những việc làm thiết thực góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Tóm lại, trách nhiệm của cấp ủy các cấp và mỗi cán bộ, đảng viên trong nhận thức tư duy mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đề ra chính là quá trình biến nghị quyết thành hành động cụ thể. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên cần bắt đầu từ chức trách, nhiệm vụ của mình, làm tốt từ những việc thiết thực nhất, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống. Tư duy, nhận thức mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là những chủ trương lớn, đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược; là kết quả của việc tổng kết sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng về củng cố, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện thắng lợi những chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; là kế sách giữ nước từ sớm, từ xa; từ khi nước còn chưa nguy.

Với những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đề ra, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

QUẢN TRỊ GẦN DÂN, SÁT DÂN TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

ThS Nguyễn Thị Hồng Mây

Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Quản trị gần dân, sát dân là đổi mới phương thức điều hành của bộ máy nhà nước nhằm tinh gọn trung gian, phân cấp mạnh về cơ sở với mục tiêu cốt lõi là tháo gỡ điểm nghẽn, nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng kịp thời nguyện vọng chính đáng của người dân.

1. Phương thức quản trị gần dân, sát dân trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, giá trị cốt lõi không nằm ở việc giảm một cấp hành chính trung gian mà ở việc hình thành phương thức quản trị mới hướng về cơ sở, phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Hiệu quả hoạt động của chính quyền được đánh giá bằng chất lượng quản trị địa phương và mức độ hài lòng của người dân.

Quản trị gần dân, sát dân là mô hình quản trị hiện đại, lấy người dân làm trung tâm của mọi quyết sách. Mô hình quản trị này vận hành dựa trên các giá trị cốt lõi: Đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết; tập trung nguồn lực hướng về cơ sở; tinh gọn các cấp trung gian để tối ưu hóa bộ máy. Đồng thời tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình cho cấp dưới. Việc thực thi triết lý quản trị này giúp thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền và người dân, nâng cao tính minh bạch và sự đồng thuận xã hội. Từ đó, bộ máy cơ sở có thể chủ động phát hiện, xử lý các sự cố phát sinh một cách nhanh chóng, hiệu quả; ngăn chặn tận gốc tình trạng quan liêu, tham nhũng và cửa quyền.

Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp trung gian để kết nối trực tiếp từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở), phương thức quản trị gần dân, sát dân không còn là một khẩu hiệu khuyến khích mang tính phong trào mà trở thành một áp lực thực tế và yêu cầu cấp thiết, buộc chính quyền cấp xã phải thay đổi toàn diện. Đề thích ứng, cấp xã phải chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy “quản lý” sang “quản trị phục vụ”, nâng cao năng lực thực thi khi đối mặt với khối lượng công việc lớn và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa nguồn lực, bảo đảm bộ máy dù tinh gọn vẫn sâu sát, đáp ứng kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

2. Khung pháp lý cho quản trị gần dân, sát dân của chính quyền cấp xã

Để hiện thực hóa phương thức quản trị gần dân và sát dân của chính quyền cấp xã, Nhà nước đã tập trung xây dựng và hoàn thiện một khung pháp lý đồng bộ, tạo thành hành lang pháp lý vững chắc nhằm đưa chính quyền cấp từ điểm cuối hành chính trở thành tuyến đầu phục vụ. Nền tảng của hành lang này là các quy định:

Về phân cấp, phân quyền: Quốc hội đã ban hành các văn bản sửa đổi Hiến pháp và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Chính phủ cùng các Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng ban hành 28 nghị định chuyên ngành và hàng trăm thông tư hướng dẫn liên quan. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật này giúp phân định thẩm quyền một cách rõ ràng và thực chất. Theo đó, cấp xã được giao quyền tự chủ tối đa trong các lĩnh vực sát sườn với đời sống của Nhân dân, bao gồm:

quản lý đất đai, tư pháp - hộ tịch, xây dựng, công thương, an sinh xã hội và an ninh trật tự địa bàn. Đặc biệt, quá trình điều hành tại cơ sở luôn áp dụng chặt chẽ nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian và rõ kết quả. Sự đổi mới này giúp chính quyền cấp xã xử lý dứt điểm các khiếu nại, sự cố ngay từ cơ sở đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm giải trình trực tiếp trước nhân dân.

Về tổ chức bộ máy và nhân lực: Bộ máy chính quyền cấp xã được tái cấu trúc mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực thực thi thông qua hệ thống các quy định mới. Trong đó, việc phân loại đơn vị hành chính được thực hiện khoa học, dựa trên các tiêu chí cụ thể về dân số, diện tích, điều kiện kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù. Đây chính là căn cứ trực tiếp để bố trí biên chế và thiết lập mô hình tổ chức bộ máy phù hợp cho từng địa phương. Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được tăng cường, điều chỉnh theo hướng chuyên nghiệp hóa và chuẩn hóa toàn diện các quy trình tác nghiệp. Sự đổi mới này bảo đảm cho bộ máy cơ sở có đủ năng lực vận hành, xử lý hiệu quả khối lượng công việc lớn được chuyển giao từ cấp trên.

Về phương thức vận hành thông qua chuyển đổi số: Quản trị “gần dân” trong kỷ nguyên mới không chỉ dừng lại ở việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp mà còn là sự kết nối không khoảng cách trên không gian số. Để hiện thực hóa mục tiêu này, phần lớn thủ tục hành chính hiện nay đã được triển khai trực tuyến trên môi trường mạng hoặc thông qua Bộ phận Một cửa cấp xã, dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, liên thông”. Mô hình này cho phép người dân chỉ cần cung cấp thông tin một lần, quy trình được tự động hóa tối đa giúp rút ngắn thời gian chờ đợi và giảm thiểu chi phí xã hội. Song song với đó, việc đưa vào vận hành các Trung tâm giám sát, điều

hành đô thị thông minh (IOC) tích hợp phân hệ tương tác số giúp chính quyền cấp xã tiếp nhận, xử lý tức thời mọi phản ánh, kiến nghị của người dân ngay qua các nền tảng số.

Về quản lý cán bộ, công chức: Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị “gần dân, sát cơ sở”, Chính phủ đã thiết lập một hành lang pháp lý mới nhằm chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy “quản lý hành chính” sang “quản trị phục vụ”. Theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức, đội ngũ công chức cấp xã được sắp xếp chính quy theo cấu trúc vị trí việc làm, bao gồm 8 vị trí lãnh đạo, quản lý và 34 vị trí chuyên môn nghiệp vụ được bố trí theo từng lĩnh vực. Quy định này buộc mỗi công chức phải nâng cao năng lực đa năng, trực tiếp xử lý trọn gói các đầu việc chuyên sâu như đất đai, tư pháp, an sinh xã hội mà không qua các cấp trung gian. Đồng thời, hành lang pháp lý mới cũng giao quyền chủ động tuyển dụng, sát hạch cho các địa phương căn cứ vào nhu cầu thực tế và đặc thù dân cư của từng xã, phường, đặc khu. Đi đôi với công tác đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, Nhà nước đặc biệt chú trọng chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài nhằm đưa nguồn nhân lực chất lượng cao về trực tiếp phục vụ Nhân dân tại cơ sở.

Về tự quản cộng đồng và hỗ trợ quản lý của thôn, tổ dân phố: Với mục tiêu cốt lõi là phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân tại cơ sở, đồng thời bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước thông suốt đến từng hộ gia đình, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đã quy định rõ vai trò của cấp dưới xã. Theo đó, thôn và tổ dân phố được quyền bàn, trực tiếp quyết định các công việc nội bộ của cộng đồng như xây dựng hương ước, tổ chức hòa giải cơ sở, bảo

vệ an ninh trật tự và vệ sinh môi trường. Đồng thời, đây cũng là cầu nối quan trọng trong việc tuyên truyền chủ trương, pháp luật, cập nhật dữ liệu dân cư số và hỗ trợ chính quyền thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

Về kiểm soát quyền lực đối với cấp xã: Khi thực hiện mô hình quản trị gần dân, việc thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực đối với chính quyền cấp xã là điều kiện tiên quyết để ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực. Theo đó, quyền lực của chính quyền cấp cơ sở chịu sự giám sát trực tiếp, toàn diện từ bên trong của Hội đồng nhân dân cùng cấp và hệ thống thanh tra theo chiều dọc. Song song với đó là cơ chế kiểm soát từ bên ngoài thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đặc biệt, thông qua vai trò là chủ thể kiểm soát tối cao của người dân theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, mọi hoạt động của bộ máy cấp xã đều được đặt dưới sự giám sát trực tiếp, công khai, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả phương thức quản trị tự quản gần dân, sát dân của chính quyền cấp xã

Một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: “Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân... Quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”... mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng làm thước đo và mục tiêu phấn đấu”¹. Vì vậy, nâng cao hiệu quả phương thức quản trị tự quản gần dân, sát dân của chính quyền cấp xã là rất cần thiết trong bối cảnh hiện

nay để chuyển mạnh từ tư duy “quản lý hành chính” sang “quản trị phục vụ”.

Trước hết, cần hiện thực hóa thực chất phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” thông qua các hành động cụ thể hướng về Nhân dân. Chính quyền cơ sở cần chủ động tổ chức các hội nghị đối thoại trực tiếp và thiết lập đa dạng kênh tiếp nhận ý kiến, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ngay từ khâu lập quy hoạch đến triển khai dự án. Đi đôi với đó là nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân; thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy định về chế độ đối thoại của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu với Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp. Trong hoạt động công vụ, phải bảo đảm tính công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình. Mọi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân và tổ chức phải được tập trung lắng nghe, giải quyết kịp thời, dứt điểm và đúng quy định của pháp luật ngay từ cơ sở, kiên quyết không để tồn đọng kéo dài, dẫn đến phát sinh các vụ việc khiếu kiện vượt cấp phức tạp.

Phát huy tối đa năng lực tự quản của thôn và tổ dân phố. Trọng tâm là tập trung nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cốt cán có uy tín và tinh thần trách nhiệm tại cơ sở; thể chế hóa quyền làm chủ của Nhân dân thông qua việc xây dựng, thực hiện các hương ước, quy ước sát với thực tiễn địa phương. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các mô hình tự quản liên kết thực chất về an ninh trật tự, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế; bảo đảm công khai, minh bạch tuyệt đối các nguồn lực xã hội hóa theo đúng phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Tăng cường ứng dụng công nghệ số thông qua thiết lập các kênh tương tác trực tuyến sẽ giúp tối ưu hóa công tác điều hành, kịp

(Xem tiếp trang 25)

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ MÔ HÌNH ĐỒNG GIẢNG CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thành Chung

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Trong bối cảnh đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị tại các trường chính trị không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả đào tạo lý luận chính trị phụ thuộc đáng kể vào phương thức tổ chức dạy học, đặc biệt là khả năng khơi dậy tính chủ động, tư duy phản biện và năng lực vận dụng tri thức của người học.

Xuất phát từ yêu cầu đó, Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị trong đó có Quy chế đào tạo Trung cấp lý luận chính trị (Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG) đã chính thức quy định triển khai mô hình đồng giảng trong các trường chính trị. Đây là bước đi đột phá nhằm chuyển dịch từ dạy học truyền thụ một chiều sang phát huy tính chủ động, tư duy phản biện của học viên. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cho thấy, để mô hình này phát huy hiệu quả thực chất, cần nhận diện rõ những rào cản và triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện.

Về bản chất, mô hình đồng giảng là sự chuyển dịch tư duy từ “truyền thụ một chiều” sang “tương tác đa chiều” theo tinh thần giáo dục hiện đại. Trong mô hình này, các giảng viên không đơn thuần chia sẻ thời lượng hay lắp ghép nội dung bài giảng. Trái lại, họ cùng nhau kiến tạo một không gian “đồng sáng tạo”, đan xen những lăng kính chuyên môn

và kinh nghiệm thực tiễn khác biệt để làm phong phú tri thức. Nhờ sự dẫn dắt đa chiều đó, học viên được đặt vào vị trí trung tâm, có điều kiện cọ xát thực tế, chủ động kiến giải vấn đề một cách toàn diện và nâng cao năng lực vận dụng tri thức vào công tác.

Đối với đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, đồng giảng còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc hiện thực hóa yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn. Sự tham gia của nhiều giảng viên với những thế mạnh chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn khác nhau giúp nội dung bài giảng được phân tích từ nhiều chiều cạnh, làm sâu sắc hơn sự liên hệ giữa các nguyên lý lý luận với những vấn đề đặt ra trong thực tiễn công tác. Không chỉ góp phần nâng cao chất lượng lĩnh hội kiến thức, mô hình này còn tạo điều kiện phát triển năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn của học viên.

Quán triệt và thực hiện Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã từng bước đưa mô hình đồng giảng vào thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng. Việc áp dụng mô hình này mang theo kỳ vọng lớn: nâng cao chất lượng dạy học, phát huy tối đa năng lực giảng viên, thắt chặt mối liên hệ giữa lý luận với thực tiễn và đặc biệt là kiến tạo một môi trường đồng sáng tạo tri thức. Mặc dù vậy, quá trình chuyển đổi cũng đặt ra hàng loạt đòi hỏi khắt khe về năng lực phối hợp sư phạm, khâu tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm. Chính vì thế, để mô hình phát huy hiệu quả thực chất, việc thẳng thắn nhận diện những khó khăn, vướng mắc nhằm đề xuất các giải pháp tháo gỡ là yêu cầu mang tính cấp thiết.

Trước hết, sự phối hợp giữa các giảng viên là yêu cầu có tính nền tảng đối với mô hình đồng giảng. Về bản chất, đồng giảng không phải là sự cộng gộp cơ học giữa hai chủ thể giảng dạy mà là sự phối hợp sự phạm nhằm tổ chức hiệu quả hoạt động học tập và quá trình đồng sáng tạo tri thức của học viên. Tuy nhiên, trong thực tiễn, mỗi giảng viên thường có cách tiếp cận, phong cách giảng dạy và mức độ ưu tiên nội dung khác nhau. Nếu không có sự thống nhất ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, giáo án đến tổ chức thực hiện, giờ học dễ bị chia tách thành các phần rời rạc, làm giảm tính logic của nội dung và ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận của học viên. Điều đó cho thấy, khó khăn không chỉ mang tính kỹ thuật trong phối hợp mà còn xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về bản chất của mô hình đồng giảng.

Thứ hai, năng lực thực hiện đồng giảng của đội ngũ giảng viên là một thách thức đáng kể. Mô hình này không chỉ đòi hỏi giảng viên nắm vững nội dung chuyên môn mà còn phải có kỹ năng tương tác, điều phối lớp học và phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình tổ chức dạy học. Trong khi đó, phần lớn giảng viên được đào tạo và phát triển theo hướng chuyên sâu cá nhân, chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy theo hình thức phối hợp. Nếu không được bồi dưỡng và hỗ trợ phù hợp, sự chênh lệch về năng lực có thể dẫn đến tình trạng lệch vai, trong đó một giảng viên giữ vai trò chủ đạo, còn giảng viên kia tham gia hạn chế, làm giảm hiệu quả và ý nghĩa của mô hình đồng giảng.

Thứ ba, việc xây dựng giáo án đồng giảng phản ánh trực tiếp mức độ thành công của mô hình. Nếu giáo án chỉ dừng lại ở việc phân chia nội dung cho từng giảng viên thì về thực chất, đồng giảng vẫn chỉ là sự ghép nối của hai phần giảng dạy riêng biệt. Trong khi đó, mô hình này đòi hỏi một tiến trình dạy học thống nhất, trong đó các giảng viên cùng tham gia vào việc dẫn dắt vấn đề, tổ

chức hoạt động học tập, thảo luận, phản biện và tổng kết nội dung. Nếu không bảo đảm yêu cầu này, giờ học sẽ thiếu tính liên kết, làm giảm hiệu quả tổ chức hoạt động học tập và khó phát huy tính tích cực của học viên.

Thứ tư, điều kiện cơ sở vật chất và môi trường tổ chức dạy học có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai mô hình đồng giảng. Mô hình này chỉ phát huy hiệu quả khi lớp học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt, tạo điều kiện cho học viên trao đổi, thảo luận và tham gia các hoạt động tương tác. Tuy nhiên, trong điều kiện không gian lớp học còn mang tính cố định, phương tiện hỗ trợ dạy học chưa thật sự đồng bộ, việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực vẫn gặp không ít khó khăn. Mặc dù nhà trường đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, song việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các phương pháp dạy học hiện đại, trong đó có đồng giảng, vẫn đặt ra những yêu cầu tiếp tục hoàn thiện.

Thứ năm, sự thống nhất trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là điều kiện quan trọng bảo đảm tính khách quan và hiệu quả của mô hình đồng giảng. Khi các giảng viên có cách tiếp cận, tiêu chí và phương thức đánh giá khác nhau, nếu không được trao đổi và thống nhất trước sẽ dễ dẫn đến sự thiếu nhất quán trong đánh giá kết quả học tập của học viên. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến độ tin cậy của kết quả đánh giá mà còn gây khó khăn cho học viên trong việc xác định yêu cầu học tập và định hướng phương pháp học tập phù hợp.

Thứ sáu, sự không đồng đều về trình độ, kinh nghiệm và khả năng tiếp thu của học viên là một đặc điểm khách quan trong đào tạo, bồi dưỡng. Trong cùng một lớp học, có những học viên sở hữu kinh nghiệm thực tiễn phong phú nhưng còn hạn chế về kiến thức lý luận; ngược lại, cũng có học viên nắm vững lý luận nhưng thiếu trải nghiệm thực tiễn. Nếu giảng viên không lựa chọn

phương pháp tổ chức hoạt động học tập phù hợp, sự khác biệt này có thể làm giảm hiệu quả học tập chung, khiến một số học viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận nội dung, trong khi những học viên khác chưa có điều kiện phát huy đầy đủ năng lực và kinh nghiệm của mình.

Từ những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai mô hình đồng giảng tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, để mô hình đồng giảng được hiệu quả cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Trước hết, cần tăng cường thống nhất nhận thức và xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các giảng viên. Đồng giảng không phải là sự phân chia nội dung giảng dạy mà là quá trình phối hợp tổ chức các hoạt động học tập trong một chỉnh thể thống nhất. Do đó, các giảng viên cần chủ động trao đổi, thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp và kế hoạch triển khai trước khi lên lớp.

Thứ hai, chú trọng nâng cao năng lực thực hiện đồng giảng cho đội ngũ giảng viên. Bên cạnh việc bồi dưỡng chuyên môn, cần tăng cường đào tạo các kỹ năng tổ chức dạy học tích cực, điều phối lớp học, làm việc nhóm và xử lý tình huống sư phạm. Việc ghép cặp giảng viên cần được thực hiện phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và thế mạnh chuyên môn của từng người nhằm phát huy sự hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau trong quá trình giảng dạy.

Thứ ba, xây dựng giáo án theo đúng yêu cầu của mô hình đồng giảng. Giáo án cần được thiết kế như một kịch bản dạy học thống nhất, thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, tiến trình bài học và vai trò của từng giảng viên trong từng hoạt động cụ thể.

Thứ tư, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và môi trường học tập theo hướng hỗ trợ các phương pháp dạy học tích cực. Nhà trường cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy, đồng thời linh hoạt

trong việc bố trí không gian lớp học và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi, thảo luận và tương tác giữa giảng viên với học viên.

Thứ năm, đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá theo hướng thống nhất và phù hợp với đặc thù của mô hình đồng giảng. Việc bảo đảm sự thống nhất giữa hoạt động dạy học và hoạt động đánh giá sẽ góp phần phản ánh chính xác năng lực của học viên; đồng thời, tạo động lực cho quá trình học tập tích cực.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, triển khai đồng giảng tại các trường chính trị là giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng tầm công tác đào tạo, bồi dưỡng và khơi dậy tính chủ động của người học. Song, mô hình này chỉ đạt hiệu quả thực chất khi được vận hành đồng bộ trên các phương diện cốt lõi - từ nhận thức của chủ thể, năng lực chuyên môn của đội ngũ, kịch bản tổ chức dạy học cho đến các điều kiện hạ tầng đi kèm./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Một số vấn đề về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị*.
3. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier (2014), *Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Hội đồng Lý luận Trung ương (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẠT CHUẨN MỨC 2

ThS Ma Trần Thu Hường

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Chuyển đổi số đang trở thành yêu cầu tất yếu đối với các trường chính trị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và quản trị nhà trường. Ngày 05/01/2026, Ban Bí thư ban hành Quy định số 393-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ngày 06/01/2026 Ban Bí thư ban hành Quy định số 396-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, đặt ra yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số và hoàn thiện hạ tầng thông tin của các nhà trường. Trong bối cảnh đó, Trang thông tin điện tử là kênh thông tin quan trọng phục vụ tuyên truyền, đào tạo, nghiên cứu khoa học và quảng bá hình ảnh nhà trường. Tuy nhiên, Trang thông tin điện tử của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên vẫn còn hạn chế về liên kết, chia sẻ và khai thác thông tin, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số và xây dựng trường chính trị chuẩn. Vì vậy, nâng cao chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử, từng bước xây dựng và vận hành Trang thông tin điện tử tổng hợp là nhiệm vụ cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, nghiên cứu khoa học và khẳng định vị thế của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

1. Vai trò của Trang thông tin điện tử đối với việc thực hiện các tiêu chí Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2

Trong quá trình xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức

2, Trang thông tin điện tử không chỉ là công cụ thông tin, tuyên truyền mà còn có vai trò hỗ trợ trực tiếp nhiều nhóm tiêu chí quan trọng theo Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn (Quy định số 396-QĐ/TW).

Thứ nhất, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là một trong những nội dung phản ánh trình độ phát triển của trường chính trị. Trang thông tin điện tử là môi trường quan trọng để công bố, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm khoa học và các bài viết chuyên sâu của đội ngũ giảng viên. Thông qua các chuyên mục nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, trao đổi học thuật, Nhà trường có điều kiện hình thành kho dữ liệu khoa học điện tử phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu lâu dài. Đồng thời, đây cũng là kênh lan tỏa các kết quả nghiên cứu đến các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao giá trị ứng dụng của các sản phẩm khoa học.

Thứ hai, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản trị Nhà trường. Trang thông tin điện tử là một bộ phận quan trọng của hạ tầng số trong Nhà trường. Thông qua hệ thống này, nhiều hoạt động quản lý, điều hành, đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học có thể được triển khai trên môi trường điện tử như công khai kế hoạch đào tạo, lịch học, lịch giảng, văn

bản chỉ đạo điều hành, quy chế, quy định, học liệu điện tử và các nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu. Việc phát triển và khai thác hiệu quả Trang thông tin điện tử sẽ góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, tăng cường tương tác giữa các đơn vị, hỗ trợ quản lý điều hành và xây dựng môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp.

Thứ ba, góp phần nâng cao chất lượng công tác thông tin khoa học và giáo dục lý luận chính trị. Ở mức độ phát triển cao hơn, trường chính trị cần nâng cao năng lực lan tỏa học thuật, ảnh hưởng xã hội và vai trò định hướng tư tưởng, lý luận. Thông qua việc đăng tải các bài viết nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, trao đổi học thuật; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các nghị quyết, chỉ thị mới và giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến của địa phương, Trang thông tin điện tử sẽ góp phần đưa lý luận gắn với thực tiễn. Đặc biệt, việc xây dựng các chuyên mục bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng đã góp phần khẳng định vai trò của Nhà trường trong công tác tư tưởng của Đảng.

Thứ tư, góp phần quảng bá hình ảnh, khẳng định vị thế và uy tín của Nhà trường. Trang thông tin điện tử là nền tảng truyền thông chính thức của Nhà trường trên môi trường số. Những thông tin được đăng tải thường xuyên, kịp thời và có chất lượng sẽ góp phần phản ánh năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị và mức độ chuyên nghiệp của Nhà trường. Thông qua việc giới thiệu các thành tựu nổi bật, các sản phẩm khoa học, các mô hình đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và những đóng góp đối với sự phát triển của tỉnh Thái Nguyên, Trang thông tin điện tử sẽ góp phần nâng

cao vị thế, uy tín và hình ảnh của Nhà trường trong hệ thống các trường chính trị cả nước.

2. Từ Trang thông tin điện tử nội bộ đến Trang thông tin điện tử tổng hợp - yêu cầu tất yếu trong xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2

Trong những năm qua, Trang thông tin điện tử của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tốt chức năng thông tin, tuyên truyền các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn của Nhà trường. Tuy nhiên, trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và triển khai thực hiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2 theo Quy định số 396-QĐ/TW, yêu cầu về cung cấp, khai thác, chia sẻ và lan tỏa thông tin ngày càng cao. Với tính chất là trang thông tin điện tử phục vụ chủ yếu cho hoạt động nội bộ, mô hình hiện nay của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không còn phù hợp với quy định hiện hành về phạm vi thông tin, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và khai thác các nguồn thông tin chính thống, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới. Những điểm không phù hợp đó tập trung ở các nội dung sau:

Thứ nhất, phạm vi thông tin còn hẹp, chủ yếu phản ánh các hoạt động nội bộ của Nhà trường.

Thứ hai, khả năng liên kết và chia sẻ thông tin với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị trong cả nước và các cơ quan báo chí còn hạn chế.

Thứ ba, chưa khai thác hiệu quả nguồn thông tin chính thống phong phú từ các cơ quan Đảng, Nhà nước phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tuyên truyền.

Xuất phát từ yêu cầu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2, việc nâng cấp và vận hành Trang thông

tin điện tử theo mô hình trang thông tin điện tử tổng hợp là bước phát triển cần thiết và phù hợp với xu thế hiện nay. Khi được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật, Nhà trường sẽ có điều kiện mở rộng phạm vi thông tin, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài hệ thống trường chính trị; khai thác hiệu quả các nguồn thông tin chính thống phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Đồng thời, nâng cao hiệu quả truyền thông, quảng bá hình ảnh và vị thế của nhà trường trên môi trường số.

Việc xây dựng Trang thông tin điện tử tổng hợp còn tạo nền tảng để từng bước hình thành hệ sinh thái thông tin số phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và quản trị Nhà trường theo hướng hiện đại. Đây là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện các tiêu chí về chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học, thông tin khoa học và lan tỏa ảnh hưởng của Nhà trường theo yêu cầu của trường chính trị chuẩn mức 2.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Trang thông tin điện tử Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Một là, xây dựng kế hoạch phát triển Trang thông tin điện tử gắn với chiến lược phát triển Nhà trường và mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2.

Hai là, nâng cao chất lượng nội dung theo hướng học thuật, chuyên sâu; lấy các kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên làm nguồn nội dung chủ lực.

Ba là, hoàn thiện các điều kiện pháp lý, tổ chức bộ máy, nhân lực và hạ tầng kỹ thuật để xây dựng và vận hành Trang thông tin điện tử tổng hợp theo quy định của pháp luật. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh

mạng trong quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử.

Bốn là, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn; hình thành kho học liệu số phục vụ lâu dài cho cán bộ, giảng viên và học viên.

Năm là, xây dựng và phát huy hiệu quả mạng lưới cộng tác viên trong toàn trường và các địa phương nhằm bảo đảm nguồn thông tin phong phú, đa dạng, phản ánh kịp thời thực tiễn cơ sở.

Sáu là, tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố, các cơ quan báo chí, truyền thông nhằm khai thác hiệu quả nguồn thông tin chính thống, thúc đẩy trao đổi học thuật và quảng bá hình ảnh nhà trường.

Nâng cao chất lượng hoạt động Trang thông tin điện tử Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên là yêu cầu tất yếu trong tiến trình chuyển đổi số và xây dựng trường chính trị chuẩn. Việc phát triển Trang thông tin điện tử theo hướng tổng hợp sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin khoa học, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và truyền thông của Nhà trường. Để thực hiện mục tiêu đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về nội dung, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và cơ chế phối hợp. Đây là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và khẳng định vị thế của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư (2026), *Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 về trường chính trị chuẩn*.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHỐI HỢP GIỮA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ CÁC SỞ, NGÀNH TRONG BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG CHO CÔNG CHỨC CẤP XÃ

ThS Lương Thu Hà

*Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Thực hiện Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, Kế hoạch số 94-KH/TU, ngày 07/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên và Kế hoạch số 169-KH/UBND ngày 17/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên được giao chủ trì tổ chức 17 lớp bồi dưỡng kỹ năng cho công chức cấp xã, góp phần nâng cao năng lực thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc giao Trường Chính trị tỉnh chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng thể hiện sự đổi mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyển từ cách tổ chức theo từng ngành, lĩnh vực sang cơ chế phối hợp giữa cơ quan đào tạo và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành, qua đó nâng cao hiệu quả và chất lượng bồi dưỡng.

Theo Quy định số 393-QĐ/TW ngày 05/01/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố, Trường Chính trị tỉnh có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương; giữ vai trò trung tâm trong việc chuẩn hóa kiến thức, trang bị phương pháp công tác, rèn luyện kỹ năng và bồi dưỡng bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Tuy nhiên, đối với các chương trình bồi dưỡng kỹ năng chuyên

sâu, hiệu quả đào tạo chỉ thực sự được phát huy khi có sự phối hợp chặt chẽ của các sở chuyên môn. Bởi các sở là cơ quan trực tiếp quản lý ngành, lĩnh vực, nắm chắc những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn cơ sở và có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm thực tiễn. Sự kết hợp giữa thế mạnh về phương pháp đào tạo của Nhà trường với kinh nghiệm chuyên môn của các sở sẽ góp phần khắc phục khoảng cách giữa lý luận với thực tiễn, giữa đào tạo với sử dụng cán bộ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, đến hết tháng 6/2026, Trường Chính trị tỉnh đã phối hợp với các sở tổ chức được 10/17 lớp bồi dưỡng theo kế hoạch. Các lớp học cơ bản được triển khai đúng mục tiêu, nội dung bám sát yêu cầu công tác, góp phần cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng thực thi công vụ cho đội ngũ công chức cấp xã. Qua đánh giá bước đầu, nhiều học viên đã vận dụng những kiến thức, kỹ năng được trang bị vào thực tiễn công tác, nâng cao chất lượng tham mưu, xử lý công việc và phục vụ Nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình phối hợp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Trước hết, công tác xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng chưa có cơ chế phối hợp thống nhất. Một số sở chưa chủ động tham gia ngay từ đầu trong việc xác định nội dung chuyên đề, dẫn đến việc hoàn thiện chương trình, tài liệu còn mất nhiều thời gian; chưa phản ánh đầy đủ những tình huống phát sinh từ thực tiễn cơ sở.

Bên cạnh đó, việc mời giảng viên thỉnh giảng gặp không ít khó khăn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chuyên gia của các sở vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa tham gia giảng dạy nên quỹ thời gian hạn chế; việc bố trí lịch giảng nhiều khi phải điều chỉnh, ảnh hưởng đến tiến độ mở lớp.

Một khó khăn khác là công tác triệu tập học viên. Do khối lượng công việc ở cơ sở ngày càng lớn, nhiều địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí cán bộ tham gia học tập đầy đủ. Thực tế cho thấy, vẫn còn tình trạng số lượng học viên tham gia học thấp hơn so với số lượng triệu tập; có trường hợp cử không đúng đối tượng, thay đổi học viên hoặc học viên xin nghỉ giữa chừng vì lý do công tác. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng lớp học mà còn làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực đào tạo.

Để nâng cao chất lượng phối hợp trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa Trường Chính trị tỉnh với các sở trong tổ chức bồi dưỡng công chức cấp xã, quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan từ khâu xây dựng kế hoạch, biên soạn chương trình, cử giảng viên, triệu tập học viên đến kiểm tra, đánh giá kết quả sau đào tạo.

Thứ hai, các sở cần chủ động hơn trong việc biên soạn chương trình, tài liệu và cập nhật nội dung bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, từng sở có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn quản lý ở cơ sở để xây dựng hoặc cập nhật chương trình, tài liệu thuộc lĩnh vực phụ trách. Đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính pháp lý và tính thực tiễn của nội dung chuyên đề. Trường

Chính trị tỉnh giữ vai trò đầu mối phối hợp, biên soạn tập bài giảng và tổ chức giảng dạy, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với đối tượng học viên. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ khắc phục tình trạng nội dung bồi dưỡng chậm được cập nhật; đồng thời, góp phần chuyển mạnh từ tư duy “Nhà trường tự biên soạn” sang cơ chế “cùng xây dựng, cùng chịu trách nhiệm”. Qua đó, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính ứng dụng của hoạt động bồi dưỡng công chức cấp xã.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức, giảng viên thỉnh giảng ổn định, có chất lượng. Cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Trường Chính trị tỉnh với các sở trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức. Các sở chủ động lựa chọn, giới thiệu những cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên viên có trình độ chuyên môn vững vàng, am hiểu sâu lĩnh vực phụ trách, giàu kinh nghiệm thực tiễn để tham gia giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch bố trí thời gian phù hợp, tạo điều kiện để đội ngũ này thực hiện nhiệm vụ giảng viên thỉnh giảng một cách ổn định, lâu dài.

Thứ tư, đổi mới phương pháp bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực thực thi công vụ. Cần chuyển mạnh từ phương thức truyền đạt kiến thức một chiều sang phương pháp đào tạo lấy người học làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng và nâng cao năng lực giải quyết công việc trong thực tiễn. Quá trình bồi dưỡng cần tăng cường các hình thức thảo luận nhóm, phân tích và xử lý tình huống, mô phỏng quy trình giải quyết công việc, trao đổi kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các địa phương với nhau; ưu tiên sử dụng những tình huống điển hình phát sinh trong thực tiễn quản lý ở cấp xã làm nội dung học tập. Đồng thời, khuyến khích học viên chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi nhiệm vụ để cùng trao đổi, tìm kiếm giải pháp phù

hợp. Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng không chỉ căn cứ vào mức độ tiếp thu kiến thức mà cần coi khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết công việc, nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ Nhân dân và hiệu quả thực thi công vụ là thước đo thực chất của chất lượng đào tạo. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm hoạt động bồi dưỡng thực sự đáp ứng nhu cầu của vị trí việc làm và tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong năng lực của đội ngũ công chức cấp xã.

QUẢN TRỊ GẦN DÂN, SÁT DÂN....

(Tiếp theo trang 16)

thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng. Từ đó, khơi dậy và phát huy tối đa tinh thần làm chủ của cộng đồng cư dân.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp và bảo đảm nguồn lực tài chính. Để bảo đảm quản trị gần dân, quy trình phân cấp từ cấp tỉnh xuống cấp xã cần thực hiện đồng bộ trên cả hai phương diện: Một là, cấp tỉnh cần mạnh dạn cắt bỏ khâu trung gian, giao quyền toàn diện cho cấp xã trong các lĩnh vực sát sườn như đất đai, xây dựng, môi trường, an sinh xã hội. Việc giao việc phải đi đôi với phân bổ nguồn thu ngân sách tương xứng, chuyển dịch vai trò từ can thiệp sâu sang ban hành quy chuẩn và tăng cường hậu kiểm. Hai là, về phía cấp xã, với tư cách là hạt nhân trung tâm của quản trị gần dân, cần chủ động nâng cao năng lực đội ngũ, chuyển từ tư duy mệnh lệnh sang kiến tạo và thúc đẩy năng lực tự quản của thôn, tổ dân phố. Đồng thời, cấp xã phải phát huy vai trò đầu mối đối thoại trực tiếp để xử lý dứt điểm mâu thuẫn tại cơ sở, trở thành đầu mối số hóa giúp đơn giản hóa thủ tục, mang lại sự minh bạch, thuận tiện cho Nhân dân.

Tăng cường phối hợp giữa Trường Chính trị tỉnh và các sở trong tổ chức bồi dưỡng kỹ năng cho công chức cấp xã là yêu cầu tất yếu và giải pháp có ý nghĩa lâu dài trong xây dựng đội ngũ công chức cơ sở. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp sẽ nâng cao chất lượng bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ công chức cấp xã có đủ phẩm chất, năng lực và kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân./.

Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức. Chính quyền cơ sở cần thực hiện tốt phương châm “Tin dân, trọng dân, hiểu dân, gần dân và có trách nhiệm với dân”; trọng tâm là nâng cao chất lượng, năng lực và kỹ năng thực thi công vụ, đi đôi với rèn luyện đạo đức công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Qua đó, hướng tới xây dựng văn hóa công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, thân thiện, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo cao nhất cho hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Vận hành phương thức quản trị “gần dân, sát dân” trong bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp là đòi hỏi tất yếu của tiến trình hiện đại hóa hành chính quốc gia. Hành lang pháp lý đồng bộ về phân cấp, số hóa dịch vụ công và tối ưu hóa vai trò tự quản cơ sở đã tạo ra không gian phát triển mới cho cấp xã. Tuy nhiên, thể chế vững chắc mới chỉ là điều kiện cần; năng lực thích ứng, tư duy phục vụ kiến tạo của đội ngũ cán bộ cùng sự tham gia trách nhiệm của Nhân dân mới là điều kiện đủ để mô hình vận hành hiệu quả thực chất trong giai đoạn hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 2, tr.382.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN CHÚ TRỌNG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG THEO QUY ĐỊNH SỐ 19-QĐ/TW, NGÀY 08/4/ 2026 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIV

ThS Ma Thị Hồng Minh
Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 08/4/2026, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIV) đã ban hành Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng (Quy định số 19-QĐ/TW), xác định rõ công tác chính trị, tư tưởng là “nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng”. Quy định đã mở rộng phạm vi và nội hàm của công tác chính trị, tư tưởng theo hướng toàn diện, hiện đại và gắn chặt với thực tiễn phát triển đất nước. Nội dung công tác chính trị, tư tưởng không chỉ dừng lại ở giáo dục lý luận chính trị mà còn bao gồm xây dựng văn hóa Đảng, văn hóa công vụ; đấu tranh phản bác quan điểm sai trái; định hướng dư luận xã hội; nâng cao năng lực truyền thông chính trị và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động tư tưởng. Đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu công tác chính trị, tư tưởng phải giữ vững nguyên tắc, không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò đi trước, mở đường, dẫn dắt, chỉ đạo thực tiễn; tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội và niềm tin của Nhân dân.

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển nhanh chóng và môi trường thông tin ngày càng đa chiều, công tác chính trị, tư tưởng đang đứng trước nhiều thách thức mới. Các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ngày càng tinh vi, tác động trực tiếp đến nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Điều đó

đòi hỏi hệ thống các trường chính trị phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng chủ động, linh hoạt, thực tiễn và hiện đại.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, việc triển khai thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW không chỉ là yêu cầu chính trị gắn với nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn là giải pháp quan trọng nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin chính trị, tăng cường sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã quan tâm triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng. Nội dung giáo dục lý luận chính trị từng bước được cập nhật theo tinh thần các nghị quyết, chỉ thị, kết luận mới của Trung ương; việc tổ chức triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng văn hóa trường Đảng.

Nhà trường đã chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động của học viên; tăng cường hoạt động nghiên cứu thực tế, hội thảo, tọa đàm khoa học, sinh hoạt chuyên đề. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức chính trị và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với đội ngũ giảng viên, viên chức được quan tâm thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn, học tập nghị quyết và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, tinh thần nêu gương của đội ngũ cán bộ, giảng viên được giữ vững.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của Quy định số 19-QĐ/TW, công tác chính trị, tư tưởng tại Nhà trường vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện như: Việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị chưa thật sự đồng bộ; một số nội dung giảng dạy còn nặng về truyền đạt lý thuyết, thiếu tính tương tác và cập nhật thực tiễn; công tác nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng học viên trong môi trường số chưa thật sự chủ động; năng lực truyền thông chính trị của một số giảng viên cần tiếp tục được bồi dưỡng và hoàn thiện trước sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, việc gắn công tác chính trị, tư tưởng với xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa trường Đảng và chuyển đổi số trong quản trị Nhà trường vẫn cần tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa.

Chính vì vậy, việc đổi mới toàn diện nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng theo Quy định số 19-QĐ/TW tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên là nhiệm vụ cấp thiết, đòi hỏi cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và vận dụng sáng tạo Quy định số 19-QĐ/TW gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 2

Nhằm bảo đảm sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên trong Nhà trường thì việc quán triệt, triển khai Quy định số 19-QĐ/TW không chỉ dừng lại ở việc phổ biến văn bản mà cần được cụ thể hóa thành các

chương trình hành động, kế hoạch công tác và nội dung giảng dạy, nghiên cứu khoa học của từng khoa, phòng. Trên cơ sở đó, chủ động lồng ghép các nội dung của Quy định vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là các chuyên đề về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, văn hóa công vụ và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đồng thời, việc vận dụng Quy định số 19-QĐ/TW cần gắn chặt với thực hiện các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị chuẩn mức 2, bảo đảm tính đồng bộ giữa nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng với chuẩn hóa các mặt hoạt động của Nhà trường. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các khoa, phòng trong việc cụ thể hóa nội dung Quy định vào chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính linh hoạt nhưng thống nhất trong toàn Trường, góp phần nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng và trực tiếp thúc đẩy quá trình xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ hai, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng

Tiếp tục đổi mới, nâng cao toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm “Giảng viên - học viên đồng kiến tạo trí thức mới, giá trị mới”. Theo đó, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng hiện đại. Nội dung giảng dạy cần được cập nhật thường xuyên theo các văn bản mới của Trung ương, đặc biệt là Quy định số 19-QĐ/TW; gắn lý luận với thực tiễn phát triển của đất nước, của tỉnh Thái Nguyên và nhiệm vụ của hệ thống chính trị cơ sở.

Quá trình giảng dạy cần tăng cường đối thoại, trao đổi, phản biện và xử lý tình huống thực tiễn; khắc phục tình trạng truyền đạt một chiều, nặng lý thuyết. Giảng viên cần chủ động đưa các vấn đề thời sự chính

trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và những vấn đề dư luận quan tâm vào bài giảng để nâng cao tính thuyết phục và khả năng định hướng tư tưởng cho học viên.

Đồng thời, cần chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, văn hóa công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân và khát vọng phát triển đất nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên học tập tại Trường.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác chính trị, tư tưởng

Quy định số 19-QĐ/TW nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương thức công tác tư tưởng theo hướng ứng dụng công nghệ số và xây dựng cơ sở dữ liệu số. Vì vậy, Nhà trường cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và truyền thông chính trị.

Nghiên cứu xây dựng hệ thống học liệu điện tử, ngân hàng bài giảng số; tăng cường sử dụng các nền tảng số phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và định hướng tư tưởng. Việc số hóa nội dung giảng dạy lý luận chính trị giúp tăng tính linh hoạt, khả năng tiếp cận và nâng cao hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của học viên. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật kịp thời chủ trương, đường lối, nghị quyết mới của Đảng.

Tăng cường bồi dưỡng năng lực sử dụng mạng xã hội và kỹ năng truyền thông số cho đội ngũ giảng viên; đồng thời, phát huy vai trò chủ động trong cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận xã hội và lan tỏa các giá trị tích cực trên không gian mạng.

Thứ tư, gắn công tác chính trị, tư tưởng với xây dựng văn hóa trường Đảng

Quy định số 19-QĐ/TW đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng văn hóa Đảng, văn hóa lãnh đạo và văn hóa công vụ. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa sư phạm chuẩn mực, dân chủ, kỷ cương và nhân văn.

Mỗi cán bộ, giảng viên cần phát huy tinh thần nêu gương, ý thức trách nhiệm và

chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Việc xây dựng văn hóa trường Đảng phải gắn với xây dựng phong cách làm việc khoa học, gần dân, trọng dân, nói đi đôi với làm và đề cao tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đồng thời, cần phát huy sức mạnh đoàn kết nội bộ, xây dựng môi trường làm việc tích cực, tạo động lực đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nắm bắt tình hình tư tưởng

Công tác kiểm tra, giám sát cần được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện lệch chuẩn trong nhận thức, tư tưởng, đạo đức lối sống và phát ngôn của cán bộ, giảng viên và học viên, nhất là trên không gian mạng. Kết hợp chặt chẽ việc hiện Quy định số 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng với toàn bộ công tác xây dựng Đảng; lấy kết quả thực hiện công tác chính trị, tư tưởng làm tiêu chí bắt buộc trong đánh giá tổ chức đảng, gắn với nhận xét, quy hoạch, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ.

Bên cạnh đó, chủ động nắm bắt dư luận xã hội, tâm trạng học viên và những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo; kịp thời định hướng tư tưởng trước các vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc trên không gian mạng.

Có thể khẳng định, việc đổi mới một cách toàn diện từ nhận thức, nội dung đến phương thức tiến hành công tác chính trị, tư tưởng là yêu cầu tất yếu, có ý nghĩa nền tảng và xuyên suốt đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay. Quá trình đổi mới này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, mà còn trực tiếp khẳng định và củng cố vị thế, vai trò của Nhà trường trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị./.

THÁI NGUYÊN CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KỶ NGUYÊN MỚI

ThS Phùng Thị Thu Phương

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng Nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Bước vào kỷ nguyên mới, cả nước đang thực hiện những chủ trương lớn của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số và xây dựng nền hành chính hiện đại. Từ đó, tạo ra những thay đổi sâu sắc trong phương thức lãnh đạo, quản lý và điều hành ở tất cả các cấp. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị mà còn phải có tư duy đổi mới, khả năng thích ứng nhanh và năng lực giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Đối với tỉnh Thái Nguyên - trung tâm kinh tế, giáo dục, khoa học, công nghệ của vùng trung du và miền núi phía Bắc - yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín càng trở nên cấp thiết nhằm đáp ứng nhiệm vụ phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Thái Nguyên xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, được tỉnh chú trọng thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới. Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động, nhiều văn bản về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được ban hành. Trong đó, có một số văn bản như: Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 03/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Quyết định số 94-QĐ/TU ngày 07/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026; Kế hoạch số 169/KH-UBND, ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên năm 2026... Các văn bản này được triển khai với mục đích nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và xây dựng đội ngũ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vững vàng về tư tưởng chính trị, có đủ phẩm chất, năng lực, kỹ năng và phương pháp thực thi công vụ, trách nhiệm phục vụ Nhân dân, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở các địa phương.

Đồng thời, tỉnh đã chủ động phân công, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức ở các cơ quan, đơn vị để bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới. Ngay sau khi sáp nhập, Thái Nguyên đã thực hiện điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh về xã, từ xã thừa sang xã thiếu; cử công chức, viên chức ở cấp tỉnh tăng cường về cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu năng lực chuyên môn để giải quyết hiệu quả công việc của người dân và doanh nghiệp. Từ ngày 01/7/2025 đến nay đã có 342 cán bộ, công chức được điều động, tiếp nhận và biệt phái (trong đó, có: 75 chuyên ngành về kế toán, 30 chuyên ngành về chuyển đổi số, 15 chuyên ngành địa chính, 14 chuyên ngành xây dựng và chuyên môn khác). Đặc biệt, đối với đội ngũ lãnh đạo quản lý, việc kiện toàn công tác cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay được đặc biệt chú trọng. Đợt điều động, luân chuyển cán bộ lớn nhất từ đầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra vào ngày 29/4/2026, đã có 39 đồng chí được điều động, luân chuyển, chỉ định, bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt tại các cơ quan, đơn vị và xã, phường. Những quyết định trong công

tác cán bộ nói trên là sự cụ thể hóa yêu cầu, nhiệm vụ mới theo chỉ đạo của Trung ương; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các kết luận, chỉ thị của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

Một trong những điểm nhấn nổi bật trong công tác cán bộ tỉnh Thái Nguyên là đổi mới công tác đánh giá cán bộ. Bắt đầu từ ngày 01/6/2026, tỉnh Thái Nguyên thực hiện đánh giá cán bộ, công chức theo phương pháp KPI (chỉ số đo lường hiệu quả công việc). Thái Nguyên là địa phương thứ 2 trong cả nước triển khai việc đánh giá cán bộ bằng KPI, sau Thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đã xây dựng bộ công cụ đánh giá, xếp loại, tỉnh sẽ triển khai việc thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và từng cá nhân thông qua các tiêu chí, sản phẩm công việc cụ thể. Công tác đánh giá được thực hiện theo nguyên tắc “6 rõ” gồm: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ cụ thể gắn với sản phẩm đầu ra, tiến độ và chất lượng công việc để làm căn cứ theo dõi, chấm điểm hằng tháng. Kết quả đánh giá KPI hằng tháng sẽ là căn cứ quan trọng phục vụ công tác cán bộ như: quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng; đồng thời, thực hiện sàng lọc đội ngũ theo phương châm “có vào, có ra; có lên, có xuống”. Việc đánh giá theo KPI nhằm đổi mới phương thức đánh giá cán bộ theo hướng khách quan, minh bạch, công bằng và phù hợp với vị trí việc làm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh Thái Nguyên vẫn đứng trước một số khó khăn trong công tác cán bộ như: Chất lượng và việc phân bổ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị, nhất là cấp xã chưa đồng đều, chủ yếu tập trung tại các xã, phường trung tâm; một số địa phương còn thiếu cán bộ, công chức ở các vị trí việc làm như kế toán, địa chính, công nghệ thông tin nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn; việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính song song nhiều hệ thống thông tin giải quyết của bộ, ngành (Bộ

Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên khiến cán bộ, công chức còn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện công việc.

Cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, Thái Nguyên đã đưa ra các mục tiêu nhằm phấn đấu đến trước năm 2030 trở thành tỉnh có thu nhập trung bình cao và đến trước năm 2045 trở thành tỉnh phát triển, có thu nhập cao. Để hoàn thành các mục tiêu này, hoạt động của đội ngũ cán bộ càng có vai trò đặc biệt quan trọng. Chính vì vậy, trong thời gian tới, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cần thực hiện tốt một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức gắn với chuyển đổi số. Thay vì chỉ tập trung vào các lớp học tập trung truyền thống, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến kết hợp trực tiếp. Điều này vừa giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, vừa tạo điều kiện cho cán bộ ở các địa phương vùng sâu, vùng xa có thể tham gia học tập thuận lợi hơn. Đồng thời, nội dung công tác đào tạo, bồi dưỡng cần được đẩy mạnh theo hướng thiết thực, gắn với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; gắn công tác quản lý sử dụng cán bộ, công chức, viên chức với đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nhân lực của cơ quan, đơn vị. Khuyến khích và có cơ chế hỗ trợ học phí cho cán bộ học văn bằng 2, chứng chỉ chuyên môn về kế toán, địa chính, công nghệ thông tin, nhất là ở các đơn vị có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

Thứ hai, cơ cấu lại đội ngũ theo hướng hợp lý, bảo đảm đúng người, đúng việc và phù hợp với yêu cầu từng địa phương. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này, tỉnh cần rà soát tổng thể số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, nhất là cấp xã, để xây dựng phương án điều động, luân chuyển hợp lý giữa các địa phương. Trong đó cần ưu tiên bố trí đủ cán bộ đối với các vị trí việc làm thiết yếu như kế toán, địa chính, tư

(Xem tiếp trang 43)

TRIẾT LÝ “DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

ThS Nguyễn Thị Thu Huyền

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Ngày 31/5/1946, trước khi lên máy bay đi Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”¹. Không chỉ mang ý nghĩa trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, lời căn dặn này đã trở thành triết lý hành động xuyên suốt, thể hiện tư duy kiên định về mục tiêu, nguyên tắc cốt lõi; đồng thời, linh hoạt trong phương pháp và cách thức xử lý các vấn đề của thực tiễn. Triết lý “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” phản ánh sự thống nhất giữa tính kiên định và tính sáng tạo, giữa giữ vững cái bất biến với sự chủ động thích ứng trước những biến đổi của tình hình. Trong bối cảnh thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, việc nghiên cứu và vận dụng triết lý của Người có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Những giá trị bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh là những nguyên tắc, mục tiêu cốt lõi, không thay đổi. Giá trị cốt lõi mang tính bất biến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người, của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; dân chủ, tự do và hạnh phúc cho Nhân dân như Người đã khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng

bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”². “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”³. Như vậy, có thể khẳng định giá trị cốt lõi mang tính bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 2 nội dung cơ bản:

Thứ nhất, độc lập dân tộc, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Với Hồ Chí Minh, độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Trong “Tuyên ngôn độc lập”, Người khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể nhân dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁴. Độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải là độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn, tức là độc lập gắn với chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Đó cũng chính là giá trị bất biến xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và được Người vận dụng linh hoạt làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, nhân dân tự do, hạnh phúc, dân là chủ, dân làm chủ. Theo Người, nước được độc lập, dân phải được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và quan trọng hơn dân phải

¹ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử (tập 3), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (tập 4), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (tập 8), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (tập 15), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

là chủ, làm chủ. Dân chủ tức là bao nhiêu lợi ích đều vì dân; bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân; chính quyền từ xã đến Chính phủ, Trung ương do dân cử ra; đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Chính quyền các cấp do Nhân dân bầu ra và Nhân dân có quyền bãi miễn. Tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với dân, lắng nghe ý kiến của dân và chịu sự kiểm soát của dân. Cán bộ từ Trung ương đến địa phương đều phải là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân. Trong Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước ta quy định: Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là của toàn thể Nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo... Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn.

Cái “vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh sự phong phú, đa dạng của thực tiễn cách mạng đang biến đổi liên tục cùng tất cả những công việc cần phải giải quyết để phù hợp với thực tiễn đang biến đổi. Đó còn là những biện pháp thể hiện sự mềm dẻo, sáng tạo trong sách lược, phương pháp và cách thức hành động để thích ứng với sự biến động của thời đại trong từng thời kỳ, từng giai đoạn. Cái vạn biến là cái có thể thay đổi, điều chỉnh, dùng hoặc không dùng, dùng trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể để đấu tranh với kẻ thù nhằm giành kết quả có lợi cho cách mạng. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, mục tiêu chống phá của kẻ địch là bất biến nhưng thủ đoạn của địch thì vạn biến khôn lường. Do đó, người làm cách mạng muốn đạt được mục tiêu cách mạng đặt ra phải luôn linh hoạt, mềm dẻo đối phó với thủ đoạn của kẻ địch. Trong đấu tranh cách mạng, cái bất biến thường thuộc về những vấn đề chiến lược, những vấn đề được thực hiện trong một thời gian dài không thay đổi cho đến khi đạt được; còn cái vạn biến là vấn đề sách lược của cách mạng để đạt tới mục tiêu bất biến, mục tiêu chiến lược đã định.

Mối quan hệ giữa “bất biến” và “vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là mối quan hệ biện chứng với nhau và được thể hiện rõ nét trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Người chỉ ra, muốn đạt được mục tiêu độc lập dân tộc cần hành động một cách hết sức linh hoạt, trên cơ sở giữ vững nguyên tắc, kết hợp hài hoà giữa mềm dẻo và kiên quyết, giữa chiến lược và sách lược, giữa cương và nhu, giữa chủ động và sáng tạo. Bên cạnh đó, muốn “ứng vạn biến” thì phải đánh giá đúng về thế và lực của ta, của đối tác, về chiều hướng chuyển biến so sánh lực lượng, về cái thuận và nghịch của tình hình quốc tế trong từng giai đoạn và thời điểm cụ thể. Từ đó, xác định giới hạn của nhân nhượng, xác định bước đi thích hợp, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn.

Qua 40 năm tiến hành đổi mới đất nước, chúng ta đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn, đáng tự hào: Tốc độ phát triển kinh tế ổn định, lực lượng sản xuất phát triển cơ bản đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; nhiều vấn đề kinh tế - xã hội được giải quyết kịp thời; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của đất nước được tăng cường; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Có được những thành tựu trên là do chúng ta đã kiên định với những nguyên tắc bất biến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lựa chọn đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc. Nhưng về sách lược, chúng ta đã chủ động đổi mới tư duy kinh tế, mở cửa hội nhập, đa phương hóa - đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Nhờ đó, Việt Nam từng bước vượt qua khủng hoảng, gia nhập ASEAN (1995) WTO (2007) và trở thành thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế; đồng thời, đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện trên mọi lĩnh vực. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn,

phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới đó là: Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước; các vấn đề về an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thảm họa môi trường, thiên tai, dịch bệnh... Tác động đến an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh môi trường ở nhiều địa phương. Bên cạnh đó, thế giới và khu vực cũng đang trải qua nhiều biến động hết sức to lớn, diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, song cục diện thế giới vẫn còn biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; sự cạnh tranh giữa nhiều nước ngày càng gay gắt, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Trước bối cảnh đó, Việt Nam muốn hoàn thành mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của đất nước thì việc vận dụng triết lý “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là điều vô cùng cần thiết. Để vận dụng tốt triết lý này của Người, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị đối với cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, kiên định đường lối đổi mới và nền tảng tư tưởng; thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, tư duy biện chứng để phân tích đúng bản chất vấn đề, nhận rõ cái cốt lõi, cái “bất biến” và cái hiện tượng, cái “vạn biến” trong mọi tình huống.

Thứ hai, Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị luôn đổi mới tư duy và phương pháp

hành động, sáng tạo trong sách lược, không rập khuôn, giáo điều. Tùy vào từng thời điểm, bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể (trong nước hay quốc tế), cần có giải pháp mềm dẻo, phù hợp để đạt được mục tiêu chiến lược.

Thứ ba, vận dụng triết lý “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong mọi lĩnh vực nhưng dựa trên nguyên tắc cụ thể, đặc biệt là lĩnh vực đối ngoại và phát triển kinh tế. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Khéo léo “cương - nhu” đan xen, lấy lợi ích quốc gia làm điểm tựa để xử lý các mối quan hệ quốc tế phức tạp; trong hội nhập kinh tế quốc tế luôn chủ động mở cửa, thu hút đầu tư, tiếp thu tinh hoa khoa học - công nghệ toàn cầu nhưng vẫn giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và độc lập tự chủ về kinh tế.

Thứ tư, tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Lây “đại đoàn kết” làm phương châm chiến lược. Sẵn sàng gạt bỏ những khác biệt về giai cấp, tôn giáo, dân tộc, xuất thân để quy tụ mọi nguồn lực xã hội, tạo sức mạnh to lớn vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Qua các kỳ Đại hội của Đảng, Việt Nam đã khẳng định những giá trị bất biến theo tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh yếu tố bất biến và bổ sung thêm những điểm mới trong tư duy lý luận của Đảng và xác định “lý luận về đường lối đổi mới” sẽ là một bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng. Quan điểm này thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị với yêu cầu: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới”. Đây là bước phát triển mới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, phản ánh sự trưởng thành về tư duy lý luận, năng lực tổng kết thực tiễn và bản lĩnh chính trị của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Như vậy, vận dụng triết lý “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh

(Xem tiếp trang 36)

CẬP NHẬT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀO CHUYÊN ĐỀ “PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ” TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS Nguyễn Thị Hải Yến

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển biến mạnh mẽ dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và kinh tế tri thức, giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ ngày càng khẳng định vai trò then chốt đối với sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, đây không chỉ là lĩnh vực quan trọng mà còn là yếu tố quyết định, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; từng bước hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn. Nhờ đó, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được mở rộng; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; hoạt động khoa học và công nghệ có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đặc biệt, việc ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị rất cao của Đảng trong việc tháo gỡ các “điểm nghẽn”, tạo xung lực mới cho hai lĩnh vực then chốt này. Trên nền tảng đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV

của Đảng tiếp tục khẳng định và nâng tầm vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ không chỉ là quốc sách hàng đầu mà còn là động lực chủ yếu, giữ vị trí trung tâm trong mô hình phát triển mới của đất nước. Đây chính là những trụ cột chiến lược quyết định chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia và khả năng hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng thể, việc thực hiện các chủ trương của Đảng trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã chỉ rõ việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập; cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn tồn tại điểm nghẽn, nút thắt; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục có những định hướng chiến lược mang tính đột phá.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đưa ra nhiều quan điểm, mục tiêu và giải pháp mới; trong đó, nhấn mạnh vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ như là những trụ cột quan trọng, động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển đất nước nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới. Với các nhiệm vụ được giao, đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố, việc cập nhật các nội dung này vào chương trình

Trung cấp lý luận chính trị là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, bảo đảm tính thời sự và tính định hướng cho học viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị tại trường chính trị, chuyên đề “Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ” thuộc phần B. Lịch sử Đảng và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, gồm 2 nội dung lớn: (1) Phát triển giáo dục và đào tạo; (2) Phát triển khoa học và công nghệ với thời lượng 8 tiết giảng. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, giảng viên cần bổ sung, cập nhật các nội dung theo các hướng sau:

1. Đối với phần Phát triển giáo dục và đào tạo

Trước hết, cần nhấn mạnh và cập nhật quan điểm chỉ đạo mới của Đảng. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tiếp tục khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; đồng thời, nhấn mạnh phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Thực hiện có hiệu quả các quyết sách chiến lược nhằm xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế”. Điểm mới quan trọng là yêu cầu xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đây là bước phát triển trong tư duy lãnh đạo, từ “ưu tiên phát triển giáo dục” sang “xây dựng nền giáo dục hiện đại trong kỷ nguyên số”.

Thứ hai, cần bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới. Nghị quyết xác định rõ yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời, phát triển các mô hình học tập đa

dạng, phù hợp với từng đối tượng và từng địa phương. Đây là điểm cần được làm rõ trong bài giảng nhằm giúp học viên nhận thức sâu sắc vai trò của việc học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ ba, cần cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng yêu cầu đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về giáo dục; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, năng lực sáng tạo cho người học. Đồng thời, chú trọng phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, thể chất, kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp. Nội dung này cần được tích hợp vào phần giải pháp trong chuyên đề, gắn với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

2. Đối với phần Phát triển khoa học và công nghệ

Trước hết, giảng viên cần làm rõ điểm đột phá trong quan điểm của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, đó là xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực chính của phát triển. Đây là sự phát triển quan trọng về nhận thức, chuyển từ vai trò “quan trọng” sang “động lực chủ yếu”, giữ vị trí trung tâm trong mô hình tăng trưởng mới.

Thứ hai, cần bổ sung định hướng phát triển khoa học và công nghệ. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh việc lấy khoa học, công nghệ làm nền tảng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển các ngành công nghệ mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ bán dẫn; đồng thời thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Nội dung này cần được cập nhật nhằm giúp học viên nhận diện rõ xu hướng phát triển của thế giới và của Việt Nam.

Thứ ba, cần cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng yêu cầu đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ; tháo gỡ các rào cản,

“nút thắt” trong hoạt động khoa học; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đồng thời, nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, cần nhấn mạnh mối quan hệ giữa khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài là một trong những yếu tố quyết định để thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là nội dung quan trọng cần liên hệ chặt chẽ với phân giáo dục và đào tạo trong chuyên đề.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra những định hướng mang tính chiến lược, đột phá đối với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới. Việc cập nhật kịp thời các nội dung này vào chương trình Trung cấp lý luận chính trị là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm tính thời sự, tính định hướng và tính thực tiễn của công tác đào tạo, bồi dưỡng. Thông qua đó, giúp học viên nắm vững những quan điểm mới của Đảng, nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò then chốt của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ như những trụ cột chiến lược, động lực trung tâm của phát triển

trong kỷ nguyên số. Từ đó, nâng cao năng lực tư duy đổi mới, khả năng thích ứng và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, việc cập nhật kịp thời các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng còn góp phần củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong điều kiện chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Những định hướng mới, mang tính chiến lược và đột phá của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV chính là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện chương trình Trung cấp lý luận chính trị theo hướng hiện đại, thiết thực. Qua đó, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, tư duy đổi mới và năng lực thích ứng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

TRIẾT LÝ “DĨ BẤT BIẾN, ...

(Tiếp theo trang 33)

trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải kiên định những giá trị “bất biến”, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền làm chủ của Nhân dân và mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trên nền tảng đó, cần chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong lựa chọn chủ trương, giải pháp phù hợp với những biến đổi nhanh chóng của tình hình trong nước và thế giới. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn là cơ sở để phát huy giá trị bền vững của tư

tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.
3. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1993), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 3.

GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG SỐ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN HIỆN NAY

ThS Đàm Thị Hạnh

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Thái Nguyên là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng, hội tụ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc Việt Bắc. Những giá trị ấy tạo nên bản sắc riêng và là nền tảng tinh thần quan trọng đối với sự phát triển của địa phương. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và truyền thông số, đời sống văn hóa vừa chịu nhiều tác động vừa có cơ hội giao lưu, tiếp thu tinh hoa nhân loại, lại vừa đứng trước nguy cơ mai một các giá trị truyền thống. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là động lực cho phát triển bền vững của tỉnh. Thái Nguyên nổi tiếng với văn hóa trà đặc sắc cùng các loại hình văn hóa dân gian như hát Then, đàn Tính, Soọng cô, Páo dung và nhiều lễ hội, phong tục truyền thống của đồng bào các dân tộc. Những giá trị văn hóa đó góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của Nhân dân, khẳng định bản sắc địa phương và làm giàu nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Thái Nguyên có hơn 1,8 triệu dân, toàn tỉnh có 51 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,7% tạo nên kho tàng văn hóa truyền thống phong phú, mang đậm bản sắc Việt Bắc ⁽¹⁾. Những giá trị văn hóa này không chỉ bồi đắp tinh thần đoàn kết, niềm tự hào quê hương mà còn là nền tảng tinh thần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hiện toàn tỉnh có hơn 1.200 di tích lịch sử, văn hóa, trên 700 di sản văn hóa phi vật thể, 336 lễ hội truyền thống và 277 làng nghề; trong đó, có 256 làng nghề chề, tạo tiềm năng lớn cho hình thành thương hiệu văn hóa trà và phát triển du lịch văn hóa Thái Nguyên. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc góp phần quảng bá hình ảnh địa phương, thúc đẩy phát triển du lịch,

nâng cao đời sống Nhân dân và tăng cường sức mạnh nội sinh. Vì vậy, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Thái Nguyên hiện nay.

Sự phát triển của công nghệ số và mạng xã hội tạo điều kiện để Thái Nguyên quảng bá hình ảnh, mở rộng giao lưu văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc lan tỏa các giá trị như văn hóa trà, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, sản phẩm OCOP và du lịch cộng đồng. Đồng thời, môi trường số góp phần nâng cao giá trị thương hiệu địa phương, mở rộng tiêu thụ sản phẩm, giúp người dân, nhất là thế hệ trẻ, tiếp cận tri thức mới, thúc đẩy quá trình hội nhập.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa và truyền thông số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Một số giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một; điển hình là chữ Nôm Dao đang đứng trước nguy cơ suy giảm người sử dụng. Sự phát triển của mạng xã hội khiến một bộ phận giới trẻ tiếp nhận văn hóa ngoại lai thiếu chọn lọc, ít quan tâm đến các giá trị truyền thống, trong khi nhiều nội dung phản cảm, lệch chuẩn trên không gian mạng tác động tiêu cực đến nhận thức và lối sống. Công tác bảo tồn, truyền dạy văn hóa dân gian ở một số địa phương còn gặp khó khăn do thiếu nguồn lực và đội ngũ kế cận ⁽²⁾. Thực tế cho thấy, việc sử dụng tiếng nói dân tộc trong thế hệ trẻ ở một số địa phương của Thái Nguyên đang dần thu hẹp, trong khi một số phong tục, lễ hội có biểu hiện thương mại hóa, làm giảm giá trị văn hóa và giáo dục cộng đồng. Điều đó đặt ra yêu cầu phải tăng cường bảo tồn, giáo dục và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong thời đại số ⁽²⁾.

Vì vậy, để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở Thái Nguyên trong thời đại số cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống

Trước tác động của toàn cầu hóa và truyền thông số, việc nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở Thái Nguyên. Các cấp, các ngành và địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục lịch sử, văn hóa truyền thống gắn với các giá trị đặc sắc như văn hóa trà, truyền thống Việt Bắc, dân ca, lễ hội và phong tục các dân tộc. Qua đó, góp phần bồi đắp lòng yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc và nâng cao ý thức trách nhiệm, nhất là của thế hệ trẻ, trong gìn giữ bản sắc văn hóa. Đồng thời, cần phát huy vai trò của truyền thông, nền tảng số và mạng xã hội trong lan tỏa các giá trị tích cực, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

- Gắn bảo tồn văn hóa với chuyển đổi số

Gắn bảo tồn văn hóa với ứng dụng công nghệ số là xu hướng tất yếu nhằm gìn giữ, lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống của Thái Nguyên, góp phần phát triển du lịch văn hóa, kinh tế số và công nghiệp văn hóa. Vì vậy, cần đẩy mạnh số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, dân ca, nghề thủ công và giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số để lưu giữ, nghiên cứu và quảng bá hiệu quả. Đồng thời, việc xây dựng thư viện số và cơ sở dữ liệu văn hóa sẽ góp phần hệ thống hóa thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý, giúp người dân, nhất là thế hệ trẻ, dễ dàng tiếp cận các giá trị văn hóa truyền thống trên môi trường mạng. Bên cạnh đó, cần tăng cường quảng bá văn hóa trà, lễ hội truyền thống, điểm du lịch cộng đồng và di tích lịch sử cách mạng của Thái Nguyên trên các nền tảng số, mạng xã hội và ứng dụng du lịch thông minh.

- Phát huy vai trò của thế hệ trẻ

Thế hệ trẻ giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại số. Vì vậy, Thái Nguyên cần

phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong gìn giữ và quảng bá văn hóa truyền thống. Các cấp, các ngành và tổ chức chính trị - xã hội cần khuyến khích thanh niên sáng tạo nội dung số nhằm giới thiệu văn hóa trà, lễ hội, di tích lịch sử cách mạng và bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, cần tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giao lưu văn hóa và tìm hiểu nghề truyền thống để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong gìn giữ bản sắc dân tộc. Bên cạnh đó, cần xây dựng môi trường mạng lành mạnh, nâng cao kỹ năng số và khả năng chọn lọc thông tin, góp phần hình thành lớp thanh niên năng động, hiện đại và có trách nhiệm với văn hóa quê hương.

- Phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng

Gia đình và cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Việc gìn giữ tiếng nói, phong tục, tập quán và lễ nghi cần được thực hiện từ mỗi gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư ở Thái Nguyên. Ông bà, cha mẹ cần giáo dục con cháu về lịch sử, truyền thống quê hương, gìn giữ tiếng nói dân tộc và các giá trị văn hóa trong đời sống hằng ngày. Đồng thời, các địa phương cần duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa dân gian như hát Then, đàn Tính, Soọng cô, Páo dung, tạo điều kiện để nghệ nhân truyền dạy cho thế hệ trẻ. Thông qua các hoạt động giao lưu, biểu diễn và ngày hội văn hóa các dân tộc, những giá trị truyền thống tiếp tục được bảo tồn, lan tỏa, góp phần củng cố đoàn kết cộng đồng và giữ gìn bản sắc văn hóa Thái Nguyên.

- Tăng cường vai trò quản lý của chính quyền và ngành văn hóa

Đây là giải pháp quan trọng nhằm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và bảo vệ nền tảng tinh thần của xã hội trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số. Các cấp chính quyền ở Thái Nguyên cần tiếp tục hỗ trợ, tôn vinh nghệ nhân và những người trực tiếp gìn giữ, truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần bảo tồn các loại hình văn hóa dân gian. Đồng thời, địa phương cần gắn bảo tồn di sản với

phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và các sản phẩm mang bản sắc Thái Nguyên, biến văn hóa thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần tăng cường quản lý hoạt động văn hóa trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin xấu độc và lan tỏa các giá trị tích cực, giàu bản sắc dân tộc.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số hiện nay là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài đối với Thái Nguyên trên con đường phát triển và hội nhập. Trong dòng chảy mạnh mẽ của kinh tế số, văn hóa số và giao lưu quốc tế, việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ góp phần giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội mà còn tạo nên sức mạnh nội sinh cho sự phát triển bền vững của địa phương. Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu, song hội nhập không có nghĩa là hòa tan; việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại cần được thực hiện trên cơ sở giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc và quê hương Việt Bắc. Vì vậy,

mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn, gìn giữ và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống thông qua học tập, thực hành và ứng xử văn hóa trên môi trường số. Qua đó, góp phần xây dựng hình ảnh Thái Nguyên giàu bản sắc, năng động, hiện đại nhưng vẫn đậm đà truyền thống văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy Thái Nguyên (2026), *Báo cáo số 336-BC/TU, ngày 14/6/2026 về tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Giai đoạn 2021 - 2026)*.
2. Thái Nguyên TV (2022), *Cách bảo tồn văn hóa truyền thống của người Dao*.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024), *Quyết định số 382-QĐ/BVHTTDL, ngày 21/02/2024 về việc công bố danh mục di sản văn hóa phi vật thể*.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT....

(Tiếp theo trang 10)

Tinh thần xuyên suốt Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Muốn vậy, công tác kiểm tra, giám sát phải tiếp tục được đổi mới toàn diện theo hướng chủ động, chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả; lấy phòng ngừa là chính, phát hiện sớm là quan trọng, xử lý nghiêm minh là cần thiết. Khi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ, kỷ luật được thực thi nghiêm minh và mọi cán bộ, đảng viên đều chịu sự giám sát của tổ chức và Nhân dân thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ đạt được những kết quả vững chắc, tạo nền tảng để đất nước bước

vào kỷ nguyên phát triển mới giàu mạnh, văn minh và thịnh vượng./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (2026), *Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm*.
5. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*.
6. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán*.

VAI TRÒ CỦA LAO ĐỘNG TRÍ TUỆ TRONG VIỆC TẠO RA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS Nguyễn Thị Thùy Dương

*Chuyên viên, Phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu*

Trong lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội, lao động luôn là nhân tố quyết định tạo ra của cải vật chất và thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, lao động trí tuệ ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng, làm gia tăng hàm lượng tri thức trong sản phẩm và nâng cao năng suất lao động.

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu vai trò của lao động trí tuệ trong quá trình tạo ra giá trị và giá trị thặng dư. Đồng thời, xem xét sự vận dụng học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong điều kiện kinh tế tri thức. Việc nghiên cứu vấn đề này góp phần khẳng định giá trị khoa học của học thuyết và bổ sung cơ sở lý luận cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay,

1. Quan niệm về lao động trí tuệ trong học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác

Trong nghiên cứu về hàng hóa và giá trị hàng hóa, C.Mác phân biệt lao động giản đơn và lao động phức tạp. Lao động giản đơn là lao động không đòi hỏi đào tạo chuyên môn; lao động phức tạp là lao động phải trải qua quá trình đào tạo, tích lũy kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Theo C.Mác, lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân lên nhiều lần, do đó trong cùng một khoảng thời gian có thể tạo ra lượng giá trị lớn hơn lao động giản đơn.

Trong điều kiện kinh tế tri thức, lao động trí tuệ là hình thức biểu hiện chủ yếu của lao động phức tạp. Đây là loại lao động dựa chủ yếu vào tri thức, kỹ năng, năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, quản lý, thiết kế kỹ thuật, công nghệ thông tin và đổi mới sáng tạo.

Bảng 1. So sánh lao động trí tuệ và lao động chân tay trong việc tạo ra giá trị thặng dư

Tiêu chí	Lao động chân tay	Lao động trí tuệ
Tính chất lao động	Lao động giản đơn hoặc bán kỹ năng	Lao động phức tạp, hàm lượng tri thức cao
Trình độ đào tạo	Không hoặc ít yêu cầu đào tạo chuyên sâu	Đòi hỏi đào tạo, chuyên môn và kỹ năng
Lượng giá trị tạo ra trong cùng thời gian	Thấp hơn	Cao hơn
Vai trò đối với năng suất lao động	Trực tiếp tạo sản phẩm	Thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng suất
Khả năng tạo giá trị thặng dư tương đối	Hạn chế	Rất lớn

Khả năng tạo giá trị thặng dư siêu ngạch	Không trực tiếp	Quyết định thông qua sáng tạo công nghệ
Xu hướng phát triển hiện nay	Giảm dần tỷ trọng	Tăng nhanh tỷ trọng

Như vậy, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, lao động trí tuệ ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu lao động xã hội, trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và tạo ra giá trị mới.

2. Vai trò của lao động trí tuệ trong việc tạo ra giá trị thặng dư

Theo học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị mới và giá trị thặng dư. Trong nền kinh tế hiện đại, lao động sống ngày càng mang tính trí tuệ, thể hiện qua hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, quản lý và ứng dụng công nghệ.

Lao động trí tuệ trực tiếp tạo ra giá trị mới thông qua việc vận dụng tri thức vào sản xuất; trong khi máy móc và trí tuệ nhân tạo chỉ là lao động vật hóa, không thể tự tạo ra giá trị mới. Đồng thời, lao động trí tuệ góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và gia tăng giá trị thặng dư. Đặc biệt, thông qua đổi mới công nghệ và sáng tạo, lao động trí tuệ tạo điều kiện hình thành giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, trong bối cảnh kinh tế số, lao động trí tuệ không làm thay đổi bản chất học thuyết giá trị thặng dư mà ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình tạo ra giá trị và nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Vai trò của lao động trí tuệ trong thực tiễn phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm gần đây, Việt Nam đang từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ sang phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững. Điều đó

cho thấy, lao động trí tuệ ngày càng trở thành yếu tố quyết định trong quá trình tạo ra giá trị mới và giá trị thặng dư của nền kinh tế.

Thực tiễn phát triển kinh tế năm 2025 cho thấy những ngành sử dụng hàm lượng tri thức và công nghệ cao đang ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng. Theo Báo cáo *e-Conomy SEA 2025* của Google, Temasek và Bain & Company, quy mô nền kinh tế số Việt Nam năm 2025 ước đạt khoảng 39 tỷ USD, tăng 17% so với năm 2024, đứng thứ hai Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng. Thương mại điện tử tiếp tục là lĩnh vực dẫn đầu với quy mô trên 25 tỷ USD, trong khi tổng giá trị thanh toán số ước đạt khoảng 178 tỷ USD. Những kết quả này phản ánh xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ tăng trưởng dựa trên lao động giản đơn sang tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và năng lực sáng tạo của con người.

Hiệu quả của lao động trí tuệ còn được phản ánh thông qua sự cải thiện năng suất lao động của nền kinh tế. Năng suất của toàn nền kinh tế năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 245,0 triệu đồng/lao động (tương đương 9.809 USD/lao động, tăng 626 USD so với năm 2024); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,83 % do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2025 ước đạt 29,2%, cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với năm 2024), tăng trưởng kinh tế đạt khá, quy mô nền kinh tế được mở rộng. Đây là kết quả của quá trình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Vai trò của lao động trí tuệ cũng được thể hiện rõ thông qua sự phát triển của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) năm 2025 do WIPO công bố, Việt Nam tiếp tục xếp thứ 44 trong số 139 nền kinh

tế, đứng thứ hai trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Đồng thời, tiếp tục được đánh giá là một trong những quốc gia có kết quả đổi mới sáng tạo vượt trội so với trình độ phát triển kinh tế. Đáng chú ý, Việt Nam đứng đầu thế giới về tỷ trọng xuất khẩu công nghệ cao và hàng hóa sáng tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu, phản ánh khả năng chuyển hóa tri thức và kết quả nghiên cứu thành giá trị kinh tế ngày càng hiệu quả. Những thành tựu này cho thấy, nguồn lực trí tuệ đang trở thành nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh kinh tế số và toàn cầu hóa.

Trong khu vực doanh nghiệp, các tập đoàn công nghệ như FPT, Viettel, VNPT, CMC và nhiều doanh nghiệp công nghệ số khác đang đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển (R&D), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và công nghệ bán dẫn. Những lĩnh vực này tạo ra giá trị gia tăng cao nhờ khai thác hiệu quả chất xám của đội ngũ kỹ sư, chuyên gia và nhà nghiên cứu. Thực tiễn đó cho thấy, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào năng lực sáng tạo và chất lượng nguồn nhân lực thay vì chỉ dựa vào vốn và lao động giản đơn.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra nhiều thách thức. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nền kinh tế số; năng suất lao động vẫn còn khoảng cách đáng kể so với nhiều quốc gia trong khu vực; tình trạng thiếu hụt lao động trình độ cao trong các ngành công nghệ mũi nhọn vẫn diễn ra. Ngoài ra, sự phát triển của lao động nền tảng và lao động số cũng đặt ra yêu cầu hoàn thiện chính sách bảo vệ quyền lợi của người lao động trong môi trường làm việc mới.

4. Vận dụng trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Những luận điểm của học thuyết giá trị thặng dư về vai trò của lao động trí tuệ có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

Thứ nhất, trong hoạt động giảng dạy, việc nghiên cứu vai trò của lao động trí tuệ giúp giảng viên làm rõ sức sống của học thuyết giá trị thặng dư trong điều kiện phát triển kinh tế số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thông qua các ví dụ thực tiễn về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất thông minh và kinh tế nền tảng, giảng viên có thể giúp học viên nhận thức sâu sắc rằng, mặc dù phương thức lao động có nhiều thay đổi nhưng lao động sống vẫn giữ vai trò quyết định trong việc tạo ra giá trị mới. Điều này góp phần nâng cao tính thuyết phục và tính thực tiễn của các bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Thứ hai, trong hoạt động nghiên cứu khoa học, nội dung về lao động trí tuệ mở ra nhiều hướng tiếp cận mới đối với việc nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương. Đối với tỉnh Thái Nguyên, quá trình phát triển các khu công nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài (Khu công nghiệp Điềm Thụy, Khu công nghiệp Sông Công I và Khu công nghiệp Sông Công II đã trực tiếp tạo việc làm cho từ 79.741 đến gần 94.000 lao động trong năm 2025 và 5 tháng đầu năm 2026, trong đó khoảng một phần ba là lao động Thái Nguyên); chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đang làm gia tăng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, việc nghiên cứu vai trò của lao động trí tuệ trong nâng cao năng suất lao động, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số có ý nghĩa quan trọng trong việc tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn của đội ngũ học viên là cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Từ việc nhận thức đúng vai trò của tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển lực lượng sản xuất, học viên có thể vận dụng vào công tác lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, đơn vị; chủ động thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả thực thi công vụ.

Tóm lại, trong điều kiện phát triển của kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lao động trí tuệ ngày càng

trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp quan trọng của xã hội. Dưới góc độ học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, lao động trí tuệ không làm thay đổi bản chất của quá trình tạo ra giá trị thặng dư mà là hình thức phát triển mới của lao động sống với trình độ ngày càng cao. Đối với Việt Nam, phát huy vai trò của lao động trí tuệ không chỉ là yêu cầu của quá trình chuyển đổi số mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng suất lao động, đổi mới mô hình tăng trưởng và thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Cục Thống kê, Bộ Tài chính (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024*.
6. Google, Temasek & Bain & Company (2025), *e-Conomy SEA 2024*.
7. Nguyễn Thị Khuyên (2025), *“Sản xuất giá trị thặng dư trong bối cảnh mới và vấn đề quản lý, điều tiết kinh tế số ở Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Cộng sản.
8. Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (2026), *Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài tháng 5 năm 2026 tỉnh Thái Nguyên*.
9. Tỉnh ủy Thái Nguyên (2025), *Báo cáo chính trị số 89-BC/TU, ngày 16/9/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025*.
10. <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn>. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2025*.

THÁI NGUYÊN CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ,...

(Tiếp theo trang 30)

pháp - hộ tịch, công nghệ thông tin. Những xã còn thiếu nhân lực chuyên môn có thể được bổ sung từ nguồn cán bộ có năng lực tại các đơn vị khác theo hình thức luân chuyển cán bộ từ địa bàn thuận lợi đến địa bàn khó khăn theo thời hạn phù hợp hoặc từ đội ngũ viên chức đủ điều kiện chuyển sang công chức. Ngoài ra, có thể thực hiện tuyển dụng theo nhu cầu thực tế và vị trí việc làm còn thiếu.

Thứ ba, tiếp tục áp dụng có hiệu quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo KPI. Quy trình xây dựng và chấm KPI phải minh bạch, có sự tham gia của người được đánh giá, nhằm tạo sự đồng thuận và hạn chế tâm lý áp đặt. Đồng thời, cần có cơ chế rà soát, điều chỉnh KPI định kỳ để phù hợp với sự thay đổi của nhiệm vụ và bối cảnh quản lý. Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đánh giá theo KPI nhằm nâng

cao tính minh bạch, giảm can thiệp chủ quan và tạo cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý cán bộ một cách khoa học.

Thứ tư, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với cán bộ, công chức. Đối với các xã miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, việc nghiên cứu cơ chế hỗ trợ phù hợp để thu hút và giữ chân cán bộ có trình độ cần được quan tâm. Đặc biệt, thực hiện các chính sách về nhà ở công vụ, hỗ trợ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn sẽ tạo thêm động lực cho đội ngũ cán bộ yên tâm công tác lâu dài. Đồng thời, có chính sách thu hút những người có tài năng như: hưởng phụ cấp tăng thêm, chế độ khen thưởng và tôn vinh, hỗ trợ nghỉ dưỡng, phúc lợi và các ưu đãi khác nhằm tạo động lực, giữ chân và phát huy đóng góp của đội ngũ chất lượng cao.

Mỗi thành tựu phát triển của đất nước, mỗi bước tiến trong xây dựng Đảng và Nhà nước đều gắn liền với sự trưởng thành, cống hiến và hy sinh của đội ngũ cán bộ. Bước vào thời kỳ phát triển mới, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực là yêu cầu chung của tỉnh Thái Nguyên và cả đất nước./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN HIỆN NAY

ThS Lục Thị Minh Phương

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Trong tiến trình xây dựng nền quản trị công hiện đại, minh bạch và hiệu quả, quản lý, sử dụng tài sản công giữ vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị mà còn phản ánh trình độ quản lý, kỷ luật tài chính và trách nhiệm công vụ. Đối với các cơ quan Đảng, tài sản công không đơn thuần là phương tiện phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà còn gắn liền với yêu cầu nêu gương, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tỉnh Thái Nguyên là địa phương có quy mô tài sản công lớn ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Sau khi hợp nhất với Bắc Kạn từ giữa năm 2025, không gian quản lý mở rộng trên 8.300 km², kéo theo sự gia tăng đáng kể về số lượng, diện tích và giá trị tài sản công. Hiện toàn tỉnh quản lý trên 2.200 khu đất với tổng diện tích hơn 11 triệu m², tổng nguyên giá trên 14.000 tỷ đồng; cùng với đó là hơn 10.000 công trình xây dựng, diện tích sàn khoảng 5,5 triệu m², tổng giá trị trên 14.500 tỷ đồng. Quy mô tài sản tăng nhanh đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản lý, sắp xếp và khai thác hiệu quả; trong đó, khối cơ quan Đảng chiếm tỷ trọng đáng kể và đòi hỏi phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, phát huy tối đa công năng.

Trong thời gian qua, công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan Đảng của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Trước hết, việc quản lý tài sản từng bước đi vào nền nếp, tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định. Các cơ quan đã chú

trọng hơn đến việc lập kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản; qua đó, hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Cơ chế kiểm soát chi tiêu ngày càng chặt chẽ, đặc biệt trong hoạt động mua sắm thông qua đấu thầu, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và tiết kiệm ngân sách. Bên cạnh đó, hệ thống tài sản công đã được rà soát, kiểm kê và hạch toán tương đối đầy đủ. Việc xây dựng danh mục tài sản, theo dõi biến động và tổ chức quản lý theo hồ sơ đã giúp các cơ quan từng bước tiếp cận phương thức quản trị tài sản khoa học hơn. Việc sử dụng tài sản công cơ bản bảo đảm đúng mục đích, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ chính trị. Việc khai thác và điều chuyển tài sản đã có sự linh hoạt hơn so với trước đây. Nhiều cơ sở vật chất sau khi sắp xếp lại đã được bố trí sử dụng hợp lý, hạn chế tình trạng bỏ hoang hoặc sử dụng kém hiệu quả. Đồng thời, cơ chế phân cấp quản lý tài sản ngày càng rõ ràng hơn, góp phần nâng cao tính chủ động của các đơn vị, gắn quyền hạn với trách nhiệm cụ thể. Công tác kiểm tra, giám sát cũng được tăng cường thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra và kiểm toán. Điều này không chỉ giúp phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những sai sót mà còn góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong quản lý tài sản công.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn quản lý tài sản công tại các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên vẫn bộc lộ một số hạn chế. Trước hết, công tác thống kê, cập nhật dữ liệu tài sản ở một số đơn vị chưa kịp thời và chưa đầy đủ. Trong

khi Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, ngày 02/02/2026 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, yêu cầu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số thống nhất, thì thực tế cho thấy việc số hóa thông tin tài sản ở nhiều cơ quan vẫn ở mức độ ban đầu, thiếu tính liên thông, khó khăn cho công tác quản lý tổng thể. Hiệu quả sử dụng tài sản ở một số nơi chưa cao, vẫn còn tình trạng sử dụng chưa hết công suất hoặc bố trí chưa hợp lý, dẫn đến lãng phí nguồn lực. Nhiều cơ sở vật chất, đặc biệt là các công trình phục vụ hội họp, đào tạo chưa được khai thác tối đa. Bên cạnh đó, một số cơ quan còn lúng túng trong việc khai thác tài sản công để tạo nguồn lực tài chính hợp pháp, do chưa nắm vững quy định hoặc còn tâm lý e ngại sai phạm.

Một vấn đề đáng chú ý khác là công tác quản lý đất đai còn tồn tại bất cập. Một số cơ sở chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất, dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa thực tế và giấy tờ quản lý. Đây là điểm nghẽn lớn trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu minh bạch hóa toàn bộ vòng đời tài sản ngày càng cao.

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân; trong đó, nổi bật là nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của quản lý tài sản công, năng lực quản trị của một bộ phận cán bộ còn hạn chế và việc triển khai các quy định pháp luật chưa đồng bộ. Để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương và yêu cầu đổi mới quản trị trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm sự thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở. Việc cụ thể hóa các quy định thành quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với đặc thù

từng cơ quan là hết sức cần thiết. Đồng thời, cần gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả quản lý, sử dụng tài sản, coi đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ.

Thứ hai, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành trong toàn hệ thống. Việc hiểu đúng và đầy đủ các quy định pháp luật là điều kiện tiên quyết để quản lý tài sản công hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng cơ sở dữ liệu tài sản công thống nhất là yêu cầu cấp thiết. Cần tổ chức rà soát, kiểm kê toàn bộ tài sản; từ đó, xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung, bảo đảm đồng bộ và liên thông giữa các cấp. Dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên, chính xác để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý tài sản công. Việc ứng dụng phần mềm quản lý, số hóa hồ sơ và áp dụng các công nghệ như mã định danh tài sản, mã QR sẽ giúp nâng cao hiệu quả theo dõi và sử dụng tài sản. Đồng thời, cần kết nối hệ thống quản lý tài sản với các hệ thống thông tin khác để tạo sự liên thông và chia sẻ dữ liệu.

Thứ năm, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài sản là yếu tố quyết định. Cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng ứng dụng công nghệ số; đồng thời, có cơ chế khuyến khích, đãi ngộ phù hợp.

Thứ sáu, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Việc kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai phạm. Đồng thời, cần công khai kết quả xử lý để nâng cao tính răn đe và xây dựng kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Trong hệ thống các cơ quan Đảng của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên có vai trò đặc thù khi vừa trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công, vừa thực hiện

(Xem tiếp trang 48)

GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ THÁI NGUYÊN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

ThS Bùi Thanh Thảo

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Chất lượng đội ngũ cán bộ phụ thuộc rất lớn vào công tác đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, việc gắn lý luận với thực tiễn là nguyên tắc cơ bản nhằm hình thành năng lực tư duy và khả năng giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Trong bối cảnh tỉnh Thái Nguyên triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng cao, đòi hỏi các cơ sở đào tạo lý luận chính trị phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng “học đi đôi với hành”, lấy thực tiễn làm môi trường kiểm nghiệm và phát triển lý luận.

1. “Học đi đôi với hành” - Chủ trương xuyên suốt của Đảng: Thực tiễn cách mạng đã chứng minh, đào tạo và bồi dưỡng là khâu then chốt quyết định chất lượng đội ngũ cán bộ. Chủ trương gắn lý luận với thực tiễn vừa là tiêu chuẩn của một đảng cách mạng chân chính, vừa là trách nhiệm tự thân của mỗi cán bộ, đảng viên.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng đó, thời gian qua, Đảng ta liên tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện công tác đào tạo lý luận chính trị. Hàng loạt văn bản chỉ đạo chiến lược đã được ban hành như: Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học

tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Thông qua những định hướng này, chất lượng giáo dục tư tưởng, chính trị không ngừng được nâng lên cả về nội dung, phương pháp lẫn kỷ cương học đường. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc XIV của Đảng cũng đã ghi nhận nhiều đổi mới tích cực, song cũng chỉ rõ yêu cầu: “Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cấp chiến lược và cấp xã”. Đây chính là “kim chỉ nam” để các cơ sở đào tạo tiếp tục hoàn thiện mình trước những thách thức mới.

2. Bài toán nhân sự từ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Bắt đầu từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên chính thức vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, hoàn thành sắp xếp toàn tỉnh còn 92 đơn vị hành chính cấp xã (77 xã, 15 phường). Sự thay đổi lớn về tổ chức bộ máy và không gian quản lý này đặt ra ba yêu cầu khắt khe đối với đội ngũ cán bộ và công tác đào tạo:

Một là, đòi hỏi năng lực toàn diện và bao quát hơn. Khối lượng công việc tăng, thẩm quyền được phân cấp mạnh mẽ hơn yêu cầu cán bộ không chỉ thuộc lòng chính sách mà phải biết vận dụng sáng tạo để tự chủ giải quyết các “điểm nóng” ngay từ cơ sở.

Hai là, chuyển trọng tâm từ trang bị lý thuyết sang phát triển kỹ năng. Cán bộ cấp cơ sở hiện nay cần được rèn giũa kỹ năng phân tích, dự báo, tham mưu, xử lý tình huống và vận động quần chúng. Đặc biệt, trong bối

cảnh chính phủ số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào cung cấp dịch vụ công là yêu cầu không thể thiếu.

Ba là, đào tạo phải gắn với thực tiễn tại địa phương. Đánh giá chất lượng học viên không chỉ nằm trên điểm số mà phải bằng năng lực xử lý việc thật, người thật. Những mô hình sáng tạo, kinh nghiệm hay từ chính quá trình vận hành chính quyền 2 cấp phải được đưa ngay vào làm “chất liệu” bài giảng.

Có thể thấy, chủ trương gắn lý luận với thực tiễn không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn trở thành đòi hỏi cấp thiết trước những thay đổi mạnh mẽ của bộ máy chính quyền địa phương mới. Đối với tỉnh Thái Nguyên, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đang đặt ra những yêu cầu mới về năng lực đội ngũ cán bộ. Từ đó, đòi hỏi công tác đào tạo lý luận chính trị cũng phải được đổi mới tương ứng.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả gắn lý luận với thực tiễn trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại Trường Chính trị Thái Nguyên

Đón đầu sự thay đổi, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã chủ động thiết kế chương trình bám sát tình hình thực tiễn địa phương. Ngoài khung chuẩn, Nhà trường lồng ghép kiến thức về cải cách hành chính, chuyển đổi số và những bài toán kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh, tăng thời lượng thảo luận nhóm, phân tích tình huống và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn. Để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng đáp ứng tốt yêu cầu hiện nay, cần tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, kịp thời cập nhật chương trình Trung cấp lý luận chính trị mới do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành, đồng thời đưa các vấn đề thực tiễn về phân cấp, phân quyền, sắp xếp bộ máy tại Thái Nguyên vào nội dung thảo luận trên lớp.

Thứ hai, nhanh chóng nghiên cứu và sử dụng phương pháp đồng giảng mới vào giảng

dạy các lớp Trung cấp lý luận. Việc đồng giảng không chỉ làm phong phú nội dung bài học mà còn tạo điều kiện để học viên được tiếp cận đồng thời cả góc nhìn lý luận và góc nhìn thực tiễn. Từ đó, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào công việc. Đặc biệt, đối với các chuyên đề liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính hay công tác dân vận ở cơ sở, việc mời lãnh đạo các sở, ngành, địa phương trực tiếp tham gia giảng dạy sẽ giúp học viên được trao đổi, phản biện và phân tích những tình huống đang diễn ra trên thực tế.

Bên cạnh đó, phát huy phương pháp đồng kiến tạo tri thức; trong đó, học viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn trở thành chủ thể tham gia xây dựng bài học thông qua thảo luận nhóm, phân tích tình huống, chia sẻ kinh nghiệm từ chính địa phương mình. Giảng viên đóng vai trò tổ chức, dẫn dắt và khái quát thành các luận điểm lý luận, giúp chuyển hóa kinh nghiệm thực tiễn thành tri thức khoa học. Đây cũng là quá trình kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận từ thực tiễn, đúng với tinh thần “lý luận phải gắn liền với thực tiễn” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh.

Thứ ba, nâng cao năng lực nghiên cứu và tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên.

Thực tiễn luôn là nguồn gốc của nhận thức và là cơ sở để bổ sung, phát triển lý luận. Vì vậy, giảng viên lý luận chính trị phải thường xuyên bám sát thực tiễn, coi nghiên cứu thực tế là một bộ phận quan trọng của hoạt động chuyên môn. Nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp với các địa phương để giảng viên định kỳ khảo sát cơ sở, tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu các mô hình mới, dự các hội nghị chuyên môn, hoạt động kiểm tra, giám sát và giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với yêu cầu phát triển của tỉnh, tạo điều

kiện để kết quả nghiên cứu được đưa trở lại bài giảng. Qua đó, bài giảng không chỉ có cơ sở lý luận vững chắc mà còn phản ánh sinh động thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao năng lực vận dụng của học viên và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Thứ tư, đẩy mạnh công nghệ số trong đào tạo, bồi dưỡng khai thác tối đa học liệu điện tử, nền tảng số, AI trong tổ chức lớp học và quản lý học viên. Việc này vừa tối ưu hóa quá trình đào tạo, bồi dưỡng vừa trực tiếp rèn luyện năng lực số cho cán bộ công chức, viên chức ở cơ sở.

Có thể nói, việc chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là một thước đo toàn diện đối với năng lực thực thi công vụ của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh. Bằng việc bám sát thực tiễn, kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên sẽ trực tiếp đào tạo cho địa phương đội ngũ cán bộ cấp cơ sở “vừa hồng, vừa chuyên”, nhạy

bén và đủ bản lĩnh tháo gỡ những “nút thắt” ngay từ thực tiễn. Sự chuyển mình mạnh mẽ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng có đóng góp thiết thực vào khát vọng vươn lên của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý*.
3. Ban Bí thư (2018), *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*.
4. Bộ Chính trị khóa XII (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG...

(Tiếp theo trang 45)

chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Do đó, trách nhiệm của Nhà trường đặt ra yêu cầu là nhiệm vụ mang tính “kép”: bảo đảm sử dụng tài sản hiệu quả và nâng cao nhận thức, năng lực quản lý tài sản công cho đội ngũ cán bộ. Những năm qua, Nhà trường đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và thực hiện quản lý tài sản theo quy chế, quy định của trường chính trị chuẩn, bảo đảm sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới về số hóa việc khai thác tài sản chưa thật sự tối ưu, phương thức quản lý còn truyền thống, công tác bảo trì chưa đồng bộ. Trong giai đoạn hiện nay, Trường cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý tài

sản, xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, đồng thời nâng cao hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất gắn với nhiệm vụ đào tạo. Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý, sử dụng tài sản công thông qua việc lồng ghép nội dung quản lý tài sản công trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công trên phạm vi toàn tỉnh.

Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp trên sẽ góp phần quan trọng vào việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công trong các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hiện đại hóa công tác quản lý của tỉnh trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy Thái Nguyên (2025), *Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên năm 2025*.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CẦN THIẾT ĐỂ VIỆT NAM VỮNG BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI, KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

ThS Nguyễn Thị Dân

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng như: Lý luận đường lối đổi mới, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được định hình sáng rõ, được kiểm nghiệm qua thực tiễn là đúng đắn.

Qua 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁽¹⁾. Với kết quả đạt được, đây chính là điều kiện, nền tảng quan trọng để Việt Nam hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đường lối đổi mới của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Đường lối đổi mới đã xác định rõ Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của sự nghiệp cách mạng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhất quán xây dựng và hoàn thiện 3 trụ cột nền tảng. Ba trụ cột có mối quan hệ biện chứng, tác động, chi phối lẫn nhau: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong đó, nền tảng của ba trụ cột là Nhân dân: “dân là gốc”, “dân là chủ”, “dân là trung tâm”, dân vừa là mục tiêu vừa là động lực, nguồn lực cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ

xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Sau 40 năm đổi mới, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, trình độ nền kinh tế được nâng cao hơn: “Quy mô kinh tế ước đạt 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); GDP bình quân đầu người tiếp tục tăng nhanh, năm 2020 đạt 3.586 thì đến năm 2025 đạt 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020”⁽²⁾, chính thức trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ “58% (theo chuẩn cũ) năm 1998 xuống 1,93% (chuẩn mới) năm 2024 và đến hết năm 2025 tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước chỉ còn khoảng 0,9 - 1,1 %”⁽³⁾. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, duy trì tăng trưởng kinh tế khá cao so với khu vực và thế giới. Năng suất lao động giai đoạn 2021 - 2025 tăng “đạt 6,83% (cao hơn mục tiêu 5,4%); đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 47%, vượt mục tiêu là 45%”⁽²⁾.

Với những kết quả đạt được, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Những thành tựu vĩ đại đạt được sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, giúp Việt Nam tạo thế và lực cho sự phát triển trong giai đoạn mới: từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, có trách nhiệm

trong nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được bảo đảm”⁽²⁾.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng lãnh đạo tiếp tục được hoàn thiện. Thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân. Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ngày càng được hiện thực hóa. Để thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đòi hỏi cần tiếp tục phải đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và xử lý hài hòa mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ và phát huy vị trí, vai trò của từng nhân tố này trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân có quyền làm chủ thực tế trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo và phát huy dân chủ trực tiếp của Nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, Nhân dân là chủ thể của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do đó mỗi công dân cần tích cực, chủ động tham gia vào công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, có ý thức thượng tôn pháp luật thì sẽ tạo nên sức

mạnh của cả hệ thống chính trị để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng được củng cố và tăng cường: độc lập dân tộc luôn gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn, qua 40 năm đổi mới, Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế, xã hội, văn hóa, xã hội, giáo dục, trong đó bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa được bảo vệ vững chắc...Sức mạnh tổng hợp của đất nước được nâng lên, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào thành công của quá trình xây dựng đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng. Cụ thể, trong công tác đối ngoại, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia và vùng lãnh thổ, có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 38 quốc gia, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới; có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại tất cả các châu lục, tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, thu hút vốn lớn FDI. Với kết quả đạt

(Xem tiếp trang 53)

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thị Giang

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Quết định số 1373/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” đã xác định ứng dụng công nghệ số chính là đòn bẩy tạo nên sự đột phá. Cụ thể hóa định hướng này, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đang tích cực chuyển dịch từ phương thức đọc truyền thống sang môi trường số nhằm tối ưu hóa năng lực tự học cho đội ngũ cán bộ, học viên trước yêu cầu mới. Bước chuyển mình này, kết hợp với hoạt động số hóa công tác thư viện và nghiên cứu khoa học, đóng vai trò bản lề để hiện đại hóa toàn diện hoạt động dạy và học lý luận chính trị của Nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

1. Văn hóa đọc trên môi trường số

Đọc sách trên môi trường số (E-reading) là phương thức đọc dịch chuyển từ cách tiếp cận truyền thống sang không gian số thông qua các thiết bị thông minh. Đối với môi trường đào tạo và nghiên cứu, hoạt động này bao gồm việc: (1) Khai thác và học tập trên hệ thống giáo trình điện tử; (2) tra cứu cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về các văn bản quy phạm pháp luật; (3) nghiên cứu, tiếp cận các tư liệu và tài liệu tham khảo được lưu trữ trực tuyến.

Văn hóa đọc trên môi trường số là tổng thể các giá trị, thói quen, kỹ năng và cách ứng xử của con người đối với việc đọc sách trên môi trường số. Đây không đơn thuần là việc thay đổi cơ học công cụ đọc mà là một phương thức tiếp cận tri thức dựa trên nền tảng công nghệ số. Phương thức này đặc trưng bởi tính linh hoạt, khả năng tương tác đa phương tiện, tối ưu hóa tìm kiếm bằng từ khóa và liên thông dữ liệu mở rộng nhằm phá bỏ hoàn toàn rào cản về mặt không gian lẫn thời gian của người đọc.

So với phương thức truyền thống, phương thức này có đặc điểm ưu việt sau:

- Tính linh hoạt và phá bỏ rào cản không gian, thời gian: Giảng viên và học viên có thể truy cập, tiếp cận giáo trình, văn kiện Đảng và tài liệu tham khảo mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị thông minh.

- Tối ưu hóa khả năng tìm kiếm: Công nghệ tìm kiếm từ khóa tiên tiến giúp người đọc rút ngắn tối đa thời gian tra cứu dữ liệu, đặc biệt hiệu quả đối với các văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống lý luận chuyên sâu.

- Liên thông dữ liệu toàn diện: Môi trường số cho phép kết nối linh hoạt hệ thống thư viện của Trường Chính trị tỉnh với hệ thống thư viện quốc gia và các học viện khu vực, tạo nên một mạng lưới tri thức mở rộng không biên giới.

- Tính đa phương tiện trực quan: Việc tích hợp các yếu tố âm thanh, hình ảnh và sơ đồ tư duy trực quan giúp cụ thể hóa một cách sinh động các khái niệm lý luận chính trị vốn mang tính trừu tượng.

Đối với tiến trình phát triển và xây dựng xã hội học tập tại tỉnh Thái Nguyên, văn hóa đọc trên môi trường số nắm giữ vai trò chiến lược:

- Lan tỏa tinh thần tự học trong cộng đồng: Khi đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu trong việc tích cực khai thác tri thức số, sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ đến toàn cộng đồng, thúc đẩy sâu rộng phong trào “học tập suốt đời”.

- Rút ngắn khoảng cách tiếp cận thông tin giữa các vùng miền: Với đặc thù địa hình Thái Nguyên, mô hình thư viện số giúp các học viên tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa có cơ hội tiếp cận nguồn tài liệu học

tập bình đẳng và tương đương với học viên tại khu vực trung tâm tỉnh.

- Xây dựng và bảo tồn hệ sinh thái tri thức địa phương: Việc số hóa các công trình, đề tài nghiên cứu về thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giúp lưu trữ, quản lý và kế thừa tri thức địa phương một cách bền vững qua các thế hệ.

2. Công tác xây dựng văn hóa đọc trên môi trường số tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Trong thời gian qua, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nhiều bước đi chủ động và thiết thực nhằm thích ứng với kỷ nguyên số:

- Về hạ tầng kỹ thuật: Nhà trường đã tập trung đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống mạng nội bộ, trang bị hệ thống phòng máy tính hiện đại và bước đầu đưa vào triển khai ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử chuyên nghiệp.

- Về công tác số hóa tài liệu: Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, kỷ yếu hội thảo khoa học và hệ thống giáo trình, tài liệu bồi dưỡng đang được đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi sang định dạng số để phục vụ tối ưu cho công tác tra cứu từ xa.

- Về đối tượng người đọc: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên của Nhà trường đều có nền tảng và khả năng tiếp cận công nghệ tốt, tạo tiền đề chủ quan vô cùng thuận lợi cho việc chuyển đổi phương thức đọc.

- Về kết nối tri thức thông qua không gian số: Không gian số đã thiết lập mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa thư viện Nhà trường với hệ thống thư viện số của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị cấp tỉnh. Sự kết nối liên thông này bảo đảm tính cập nhật, tính thống nhất và bảo mật tuyệt đối của dòng chảy tri thức chính thống, phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn sinh động tại tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác xây dựng văn hóa đọc số tại Nhà trường vẫn gặp phải một số rào cản nhất định: Hệ thống cơ sở dữ liệu số hiện tại chưa đạt được sự đồng bộ hoàn toàn; kỹ năng khai thác học liệu số của một bộ phận học viên lớn tuổi còn bộc lộ những hạn chế; nguồn tài liệu số mang tính chuyên biệt về lý luận chính trị cần tiếp tục được làm giàu; đồng thời, vấn đề bản quyền số đòi hỏi phải có quy trình quản lý chặt chẽ và đảm bảo tính pháp lý hơn.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh văn hóa đọc trên môi trường số tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Nhằm khắc phục các hạn chế và phát triển văn hóa đọc số một cách bền vững, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần triển khai đồng bộ nhóm 3 giải pháp trọng tâm sau:

Nhóm giải pháp thứ nhất, hoàn thiện hệ sinh thái thư viện số hiện đại

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống phần mềm thư viện hiện đại, hướng tới tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động gợi ý tài liệu theo nhu cầu nghiên cứu riêng biệt của từng học viên. Tập trung xây dựng kho học liệu số tập trung, có chiều sâu, bao gồm: Sách điện tử (E-book), các bài giảng đa phương tiện sinh động và hệ thống dữ liệu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Nhóm giải pháp thứ hai, nâng cao năng lực số toàn diện cho cán bộ và học viên

Cần định kỳ tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề nhằm trang bị và nâng cao kỹ năng tìm kiếm, đánh giá, sàng lọc và sử dụng thông tin trên môi trường số cho cả giảng viên và học viên. Việc nâng cao năng lực này không chỉ phục vụ đắc lực cho quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường mà còn giúp cán bộ hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu bền vững - vốn là nhân tố cốt lõi để xây dựng một xã hội học tập.

Nhóm giải pháp thứ ba, tăng cường kết nối tri thức và lan tỏa giá trị sâu rộng

Cần chủ động thiết lập cơ chế chia sẻ, liên thông tài nguyên số giữa Trường Chính trị tỉnh với các cơ quan, đơn vị, ban, ngành khác trong tỉnh. Việc lan tỏa mạnh mẽ các giá trị tri thức từ sách và tài liệu chính trị - xã hội sẽ góp phần nâng cao nhận thức, củng cố bản lĩnh chính trị vững vàng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên toàn địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đọc sách trên môi trường số tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không đơn thuần là sự thay đổi về phương thức tiếp cận thông tin, mà là chiến lược phát triển tri thức trong thời đại mới. Thông qua việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong văn hóa đọc, Nhà trường khẳng định vai trò tiên phong trong việc xây dựng xã hội học tập, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh tại địa

phương. Bằng việc kết nối tri thức hiệu quả, Nhà trường không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu xây dựng Thái Nguyên trở thành một xã hội học tập điển hình, nơi tri thức là động lực chính cho sự phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng*.
3. Tỉnh ủy Thái Nguyên (2020), *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 về chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CẦN THIẾT ĐỂ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 50)

được, đã khẳng định, đối ngoại đã góp phần đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Thực hiện tốt vai trò là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là lựa chọn mang tính lịch sử, là sự nghiệp sáng tạo vĩ đại mang tầm vóc lịch sử, có ý nghĩa to lớn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, xu thế phát triển chung của thời đại. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta không ngừng nâng cao, đó chính là sự hòa quyện giữa ý Đảng với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sớm xây dựng thành công

chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Từ những vấn đề trên, có thể thấy, đây là thời điểm “hội tụ” đầy đủ các lợi thế, sức mạnh để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc tiếp sau kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội và kỷ nguyên đổi mới⁽⁴⁾.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr.25.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Tổng Bí thư Tô Lâm (2024), “*Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”, Tạp chí Cộng sản điện tử.
4. Tổng Bí thư Tô Lâm (2024), “*Phát huy tính đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, Tạp chí Cộng sản điện tử.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC NHÌN TỪ THỰC TIỄN 40 NĂM ĐỔI MỚI

ThS Lê Chí Trung

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Traï qua 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế, chính trị, đối ngoại và nâng cao đời sống nhân dân. Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế, uy tín trên trường quốc tế; chất lượng cuộc sống được cải thiện nhờ sự đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ. Những thành tựu đó là minh chứng cho vai trò lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - nền tảng chiến lược cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định đại đoàn kết là động lực quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 31/5/1946, Người nhấn mạnh tinh thần đoàn kết, khoan dung và hòa hợp dân tộc, lấy lòng yêu nước làm nền tảng tập hợp mọi lực lượng vì mục tiêu độc lập dân tộc và phát triển đất nước.

Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta đã thể chế hóa thành các chủ trương, nghị quyết phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng - dấu mốc mở đầu công cuộc đổi mới đã xác định phát huy sức mạnh toàn dân tộc là nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời, khẳng định chủ trương tạo điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài gắn bó với quê hương, đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước. Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 17/11/1993, của Bộ Chính trị khóa VII về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt

trận Dân tộc thống nhất khẳng định nội dung cơ bản của đường lối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới là “đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam”.

Chính sách đoàn kết dân tộc tiếp tục được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc, xác định: Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc. Điều này, tiếp tục được Hiến pháp năm 2013, khẳng định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc...”.

Với chủ trương gác lại quá khứ và hướng tới tương lai, Đảng ta khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII: “Tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước”. Đây được xem là chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta, theo chiều hướng ngày càng mở rộng về biên độ, từ thấp đến cao, từ hẹp đến rộng, từ còn những “xơ cứng” đến ngày càng cởi mở hơn. Quan điểm này, góp phần bác bỏ ý kiến cho rằng: Đảng, Nhà nước ta không có tư tưởng hòa hợp dân tộc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng cho sự phát triển đất nước.

Trên cơ sở đó Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc đã cụ thể hoá nội dung xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc với “nền tảng vững chắc của đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; là mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và nhân dân, là niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; là đoàn kết trong Đảng, đoàn kết giữa các giai tầng xã hội, giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa người Việt Nam ở trong và ngoài nước; là đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới”.

Trên tinh thần lấy “chân thành”, “thiện chí” gác lại những mặc cảm của quá khứ vì sự phát triển chung của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động mở rộng tiếp xúc với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả những người còn định kiến, thái độ chính trị khác biệt. Một bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự phát triển nhận thức, tư duy lý luận của Đảng ta về công tác hòa hợp dân tộc là việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã khẳng định chủ trương: “Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Đây là nghị quyết quan trọng, thể hiện tư duy mới, cách nhìn đúng đắn và quyết định các nội dung cơ bản tạo điều kiện cho những bước đột phá trong công tác hòa hợp dân tộc.

Bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục sẽ là nguồn sức mạnh nội lực để đưa Việt Nam khẳng định được vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi Họp báo sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, ngày 03/8/2024 đã nhấn mạnh: Không có gì bằng sự đoàn kết, thống nhất. Đoàn kết thống nhất là sức mạnh của chúng ta. Sự đoàn kết từ trong Đảng, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tiếp tục được lan tỏa và phát huy. Đây là truyền thống rất tốt đẹp, là sức mạnh của Đảng, quốc gia, vượt qua được nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi, mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra. Theo Tổng Bí thư, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại có ý nghĩa then chốt - đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Quan điểm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện xuyên suốt trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, với trọng tâm là khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước. Đảng nhấn mạnh quan điểm “dân là gốc”, nhân dân vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu và động lực của phát triển; mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân, hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Đồng thời, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân thông qua thực hiện hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện và dân chủ ở cơ sở theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, gắn với giữ vững kỷ cương, trật tự xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV cũng xác định tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng,

bảo đảm hài hòa lợi ích, công bằng và bình đẳng giữa các giai cấp, tầng lớp và các dân tộc. Cùng với đó, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tập hợp mọi nguồn lực, khơi dậy sức sáng tạo của toàn dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong bối cảnh đất nước ta đang có nhiều thời cơ, vận hội và thách thức đan xen, hơn lúc nào hết, bài học về xây dựng đại đoàn kết toàn dân tộc càng trở nên cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh, tương lai của dân tộc. Do đó, đề củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ sau:

Một là, giữ vững vai trò tiên phong, hạt nhân lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ mới, đặc biệt là đối với đồng bào Việt Nam ở nước ngoài. Tiếp tục coi trọng, quan tâm hỗ trợ và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, phù hợp với pháp luật của nước sở tại và pháp luật Việt Nam; kịp thời tôn vinh, động viên, khích lệ nhân dân có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về giá trị đoàn kết dân tộc bằng các hình thức sáng tạo, đa dạng. Tận dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông, văn hóa, nghệ thuật; phối hợp hài hòa giữa thông tin đối nội và đối ngoại; đồng thời, gắn kết tuyên truyền về truyền thống đoàn kết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và hình ảnh tươi đẹp của đất nước, con người Việt Nam.

Ba là, tăng cường sự đoàn kết từ trong nội bộ Đảng, hệ thống chính trị đến toàn thể nhân dân; nhanh chóng nhận diện và ngăn

chặn các âm mưu kích động chia rẽ nhằm bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh, nhận diện, vạch mặt những kẻ có mưu đồ đen tối nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, đề cao truyền thống đoàn kết, yêu nước, tinh thần cảnh giác, trách nhiệm công dân, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, sự đồng thuận xã hội, ý thức, trách nhiệm cộng đồng, tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chống mọi biểu hiện tư tưởng hẹp hòi, cục bộ, ly khai..., coi đó là yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xoá đói, giảm nghèo, kết hợp với thực hiện công bằng xã hội, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh bảo đảm ổn định chính trị, trật tự xã hội; nhanh chóng giải quyết triệt để các khiếu kiện, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân; chủ động định hướng dư luận, đưa thông tin đúng, chính thống đến với nhân dân.

Tóm lại, bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn giữ nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế và nhiều thách thức về an ninh, chủ quyền, Đảng cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là nhiệm vụ chiến lược, tạo nền tảng để xây dựng đất nước phát triển giàu mạnh, ổn định và bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 15.

2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 280-281.

(Xem tiếp trang 64)

PHÁT HUY VAI TRÒ TIÊN PHONG CỦA ĐẢNG VIÊN TRONG XÂY DỰNG “CHI BỘ 4 TỐT” TẠI CHI BỘ KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Ngọc Minh

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt”. Lời dạy đó khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong xây dựng Đảng. Sức mạnh của Đảng không chỉ được tạo dựng từ đường lối đúng đắn mà còn được thể hiện trực tiếp thông qua chất lượng hoạt động của mỗi chi bộ và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, mỗi đảng viên phải luôn gương mẫu trong học tập, công tác, rèn luyện đạo đức cách mạng; nói đi đôi với làm; đặt lợi ích của Đảng, của tập thể và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Chính sự tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ, củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

Việc xây dựng “Chi bộ 4 tốt” là một trong những chủ trương cốt lõi nhằm cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh, lấy chi bộ làm nền tảng; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, mô hình “chi bộ 4 tốt” và “đảng bộ cơ sở 4 tốt” được triển khai như một giải pháp trọng tâm để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên, đồng thời làm căn cứ để đánh giá, xếp loại

tổ chức đảng ở cơ sở. Trên cơ sở đó, ngày 06/5/2026 Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh ban hành Hướng dẫn số 04-HD/ĐU về xây dựng và đánh giá, công nhận về “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”. Ngày 21/5/2026 Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch số 22-KH/ĐU về triển khai phong trào thi đua xây dựng “Chi bộ 4 tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Nhà trường luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đó có Chi bộ khoa Xây dựng Đảng.

Hiện nay, Chi bộ khoa Xây dựng Đảng có 10 đảng viên, mỗi đồng chí đều có ý thức không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn mà còn phải là tấm gương về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy Nhà trường, Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng đã không ngừng phát huy vai trò hạt nhân chính trị, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên và đạt được nhiều kết quả nổi bật trên các mặt công tác.

Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đội ngũ đảng viên luôn chủ động đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng gắn lý luận với thực tiễn; kịp thời cập nhật các nghị quyết, kết luận mới của Trung

ương và của tỉnh vào giáo án giảng dạy. Từ năm 2022 đến nay, có 09 giảng viên tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường và 02 giảng viên tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Trong công tác nghiên cứu khoa học, giai đoạn 2022 - 2025, Chi bộ triển khai 04 đề tài khoa học cấp cơ sở, góp phần tổng kết thực tiễn công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, đội ngũ đảng viên trong Chi bộ luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tích cực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, biên soạn và công bố các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành, bản tin và trang thông tin điện tử của Nhà trường. Qua đó, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, định hướng dư luận xã hội và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ ngày càng được nâng cao, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu. Chi bộ đã quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới và Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Trên cơ sở đó, Chi bộ tập trung đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị; duy trì nền nếp sinh hoạt nghiêm túc, đúng nguyên tắc, phát huy dân chủ và trách nhiệm của đảng viên.

Tinh thần tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên được thể hiện thông qua việc chủ động nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung sinh hoạt, tích cực thảo luận và đóng góp ý kiến có chất lượng. Nội dung sinh hoạt luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của khoa và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Các buổi sinh hoạt chuyên đề tập trung vào những nội dung thiết thực như học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm; nâng cao chất lượng công tác chuyên môn và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Qua đó, sinh hoạt chi bộ thực sự trở thành diễn đàn dân chủ để đảng viên trao đổi, đề xuất các giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Chi bộ.

Về đoàn kết, kỷ luật, Chi bộ luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Mọi chủ trương, nhiệm vụ đều được thảo luận dân chủ, công khai, phát huy trí tuệ tập thể gắn với trách nhiệm cá nhân. Tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, góp phần củng cố đoàn kết nội bộ và nâng cao trách nhiệm của mỗi đảng viên.

Đội ngũ đảng viên luôn chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, quy định về văn hóa trường Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên. Chi bộ không có đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; không có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Hằng năm, 100% đảng viên xây dựng cam kết tu dưỡng, rèn luyện và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và đạo đức nghề nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên vẫn còn một số hạn chế. Công tác nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tuy có chuyển biến tích cực nhưng việc đề xuất các giải pháp mới, có tính đột phá nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn địa phương chưa thật sự nổi bật. Trong sinh hoạt chi bộ, việc gợi mở các vấn đề mới và đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược, lâu dài vẫn cần được tiếp tục nâng cao.

Để tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng “Chi bộ 4 tốt” trong giai đoạn mới, Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị và tính “mẫu mực” của đảng viên. Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, trách nhiệm, kỷ luật và chuẩn mực trong công tác cũng như trong cuộc sống.

Hai là, phát huy tính tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, thực hiện mô hình đồng giảng, chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang gợi mở tư duy và định hướng hành động cho học viên. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học theo hướng gắn lý luận với thực tiễn; tập trung nghiên cứu, đề xuất giải pháp đối với những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng Đảng tại địa phương. Đồng thời, phân công đảng viên tham gia viết bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Ba là, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, nâng cao tính lãnh

đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt Đảng. Tập trung thảo luận các vấn đề trọng tâm như xây dựng văn hóa Trường Đảng, chuyển đổi số trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; phát huy dân chủ, khuyến khích đảng viên tham gia đóng góp ý kiến, giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Chi bộ.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật đi đôi với động viên, khích lệ kịp thời. Cụ thể hóa các tiêu chí của mô hình “Chi bộ 4 tốt” gắn với trách nhiệm của từng đảng viên; tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện; thực hiện tốt phong trào thi đua do Đảng ủy Nhà trường phát động kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua trong Nhà trường.

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên vừa là yêu cầu thường xuyên, vừa là giải pháp quan trọng để xây dựng “Chi bộ 4 tốt”. Với những kết quả đã đạt được và các giải pháp đã đề ra, Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng sẽ tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, đạo đức, chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, góp phần xây dựng Đảng bộ Nhà trường ngày càng trong sạch, vững mạnh./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.549.
2. <https://vov.vn/chinh-tri/hieu-qua-tu-mo-hinh-chi-bo-4-tot-o-dak-lak-post1085975.vov>. *Hiệu quả từ mô hình “chi bộ 4 tốt” ở Đắk Lắk*.
3. <https://baoquangninh.vn/nhan-rong-mo-hinh-chi-bo-4-tot-dang-bo-4-tot-3312944.html>. *Nhân rộng mô hình “Chi bộ 4 tốt”*.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

ThS Trần Trọng Nhất

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam, kinh tế tư nhân (KTTN) ngày càng khẳng định vị thế là một động lực quan trọng của nền kinh tế quốc gia, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội, tạo việc làm và ổn định an sinh xã hội tại các địa phương. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW), Đảng bộ và chính quyền xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sát sao nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên là một địa phương giàu tiềm năng của tỉnh với nguồn lao động dồi dào, hệ thống hạ tầng đang được đầu tư mạnh mẽ và tiến trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế diễn ra tích cực. Việc phân tích một cách toàn diện thực trạng phát triển KTTN tại xã Phú Bình không chỉ giúp đánh giá đúng những kết quả đạt được, nhận diện các nút thắt tồn tại, mà còn là cơ sở khoa học để đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm tối ưu hóa đóng góp của thành phần kinh tế này vào sự phát triển chung của địa phương trong giai đoạn tới.

Kinh tế tư nhân bao gồm các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, các doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần không có vốn góp của Nhà nước. Ở các xã, KTTN tồn tại chủ yếu dưới hai hình thức: các doanh nghiệp

nhỏ và vừa và hệ thống các hộ sản xuất kinh doanh cá thể. Đây là khu vực có tính linh hoạt và năng động cao, nhạy bén với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, đóng vai trò huyết mạch trong việc duy trì chuỗi cung ứng hàng hóa tiêu dùng, dịch vụ.

Công tác chỉ đạo phát triển KTTN tại xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên dựa trên hệ thống văn bản pháp lý chặt chẽ và nhất quán của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị. Để cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược của Trung ương và của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phú Bình đã ban hành Kế hoạch số 18-KH/ĐU, ngày 17/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân. Đồng thời, Đảng bộ xã đã lồng ghép nội dung này vào Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU, ngày 28/11/2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) và các chương trình chuyển đổi số nhằm xây dựng môi trường thuận lợi nhất cho các chủ thể tư nhân.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, điều hành đồng bộ của hệ thống chính trị xã Phú Bình, kinh tế tư nhân trên địa bàn đã có sự phát triển rõ rệt, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang phát triển nông nghiệp hàng hóa, thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Tính đến hết Quý I năm 2026 địa phương đã thực hiện được tốt các nội dung cụ thể:

Về quy mô và số lượng chủ thể kinh tế, hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tư nhân tiếp tục được duy trì ổn định. Bộ phận chuyên môn của xã đã tiếp nhận và xử lý 108 hồ sơ đăng ký kinh doanh, giải quyết và trả kết quả đúng thời hạn cho người dân và doanh nghiệp. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể gia nhập thị trường, góp phần mở rộng khu vực KTTN trên địa bàn.

Trong lĩnh vực nông nghiệp hàng hóa, các hộ kinh doanh và trang trại tư nhân đã tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trên địa bàn xã ước đạt 2.295 tấn. Bên cạnh đó, nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp tư nhân mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình trồng cây ăn quả chất lượng cao trên diện tích 3 ha cho thu nhập khoảng 400 triệu đồng/năm/hộ; mô hình liên kết sản xuất dựa chuỗi ứng dụng kỹ thuật cao trên quy mô 1 héc ta đạt sản lượng khoảng 35 tấn/vụ, tạo nguồn thu nhập ổn định và bền vững cho người sản xuất.

Trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, hệ thống đại lý phân phối, cửa hàng tiện ích, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, sửa chữa và vận tải do khu vực tư nhân đầu tư phát triển rộng khắp các xóm. Mạng lưới này hoạt động linh hoạt, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân cũng như lực lượng lao động trên địa bàn.

Công tác tạo quỹ đất và giải phóng mặt bằng tiếp tục được xã Phú Bình triển khai quyết liệt nhằm tạo điều kiện thu hút các dự án đầu tư tư nhân và phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Chỉ tính riêng Quý I năm 2026, xã đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với 11,2 ha đất, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đạt 67,49 tỷ đồng cho các hộ

dân bị ảnh hưởng; trong đó, có các dự án trọng điểm như Khu công nghiệp Phú Bình với diện tích đã bàn giao 3,18 ha và kinh phí bồi thường được chi trả theo phương án đã phê duyệt. Kết quả này góp phần tạo quỹ đất sạch, mở rộng không gian phát triển cho khu vực KTTN và thu hút các doanh nghiệp về tinh đầu tư vào địa phương.

Bên cạnh những điểm sáng, khu vực KTTN tại xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên vẫn đối mặt với không ít rào cản và hạn chế. Phần lớn các cơ sở kinh doanh tư nhân trên địa bàn có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, vốn tự có mỏng và khó tiếp cận các nguồn tín dụng dài hạn do thiếu tài sản thế chấp đạt chuẩn; khả năng quản trị và chất lượng nguồn nhân lực. Trình độ quản trị doanh nghiệp, kỹ năng hoạch định tài chính và tiếp thị của các chủ hộ kinh doanh còn mang tính tự phát, thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn. Nguồn lao động làm việc trong khu vực tư nhân tại địa phương chủ yếu là lao động phổ thông, tỷ lệ qua đào tạo bài bản còn thấp. Mức độ ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử và các quy trình sản xuất hiện đại còn chậm. Sự liên kết chuỗi giữa các hộ sản xuất nông nghiệp với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng giá cả nông sản bấp bênh và rủi ro thị trường cao.

Những giải pháp đột phá nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân tại xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới

Để đưa KTTN trở thành động lực tăng trưởng cốt lõi, đóng góp ngày càng cao vào cơ cấu thu ngân sách và giải quyết việc làm tại địa phương, trong thời gian tới xã Phú Bình cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình cải cách hành chính, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh,

cấp phép. Bảo đảm 100% hồ sơ của người dân, doanh nghiệp được xử lý đúng hạn và công khai, minh bạch. Tổ chức định kỳ các buổi đối thoại giữa Thường trực Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã với các doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh để kịp thời tháo gỡ khó khăn về mặt pháp lý và mặt bằng sản xuất.

Thứ hai, hỗ trợ tiếp cận nguồn lực tài chính và tín dụng. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Chính sách và các ngân hàng thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh, trang trại tư nhân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi. Khuyến khích các hình thức cho vay dựa trên dòng tiền, phương án sản xuất khả thi hoặc chuỗi liên kết giá trị thay vì chỉ dựa vào tài sản thế chấp truyền thống.

Thứ ba, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị và phát triển mô hình kinh tế trang trại. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ nông dân, tổ hợp tác chuyển đổi sang mô hình kinh tế trang trại, doanh nghiệp tư nhân nhằm tăng quy mô sản xuất. Xây dựng các mô hình liên kết dọc giữa người nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp tư nhân thu mua, chế biến nhằm bao tiêu sản phẩm ổn định cho các sản phẩm thế mạnh như thịt hơi, dưa chuột, cây ăn quả đặc sản, giảm thiểu rủi ro thương mại.

Thứ tư, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị. Chủ động phối hợp với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, các sở, ngành của tỉnh tổ chức các lớp tập huấn miễn phí hoặc hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các chủ cơ sở kinh doanh về kỹ năng quản lý, kế toán tài chính, kỹ năng marketing và thương mại điện tử. Nâng cao tay nghề cho người lao động tại địa phương để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số. Tuyên truyền và hỗ trợ các cơ sở kinh doanh tư nhân đưa sản

phẩm lên các sàn thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ số trong quản lý bán hàng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản địa phương.

Phát triển kinh tế tư nhân tại xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, mang tính chiến lược, phù hợp với quy luật khách quan và các định hướng lớn của Đảng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW. Những kết quả đạt được trong việc thu hút hộ kinh doanh, thúc đẩy các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa cao và quyết liệt giải phóng mặt bằng khu công nghiệp trong thời gian qua đã chứng minh cho bước đi đúng hướng của xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Bằng việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách hành chính, hỗ trợ vốn, đào tạo nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, khu vực kinh tế tư nhân xã Phú Bình chắc chắn sẽ có những bước bứt phá mạnh mẽ hơn, đóng góp một phần xứng đáng vào mục tiêu xây dựng tỉnh Thái Nguyên ngày càng giàu đẹp, văn minh và bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
4. Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phú Bình (2025), *Kế hoạch số 18-KH/ĐU, ngày 17/9/2025 về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*.
5. Đảng ủy xã Phú Bình (2026), *Báo cáo số 374-BC/ĐU, ngày 08/4/2026 về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quý I, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2026*.

SỰ KIỆN NỔI BẬT THÁNG 6, THÁNG 7 NĂM 2026

TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thị Hải Yến

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

1. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng giảng dạy theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới

Ngày 20 và 21/6/2026, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng giảng dạy theo mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến các học viện trực thuộc và trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

Dự và chỉ đạo Hội nghị tại điểm cầu Trung ương có PGS, TS Đoàn Minh Huân, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cùng dự có lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các trường chính trị tỉnh, thành phố và hơn 2.200 giảng viên trong toàn hệ thống.

Tại điểm cầu Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, tham dự hội nghị có đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường; các đồng chí trong Ban Giám hiệu cùng toàn thể giảng viên Nhà trường. Việc tham gia hội nghị thể hiện tinh thần chủ động, nghiêm túc của Nhà trường trong triển khai các chủ trương đổi mới của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và chuẩn bị các điều kiện để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo định hướng xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 2.

Trong hai ngày làm việc, các giảng viên đã được nghiên cứu các chuyên đề về đổi mới nội dung, phương thức đào tạo; mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới; kỹ năng thiết kế, tổ chức giảng dạy theo

tinh huống; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong giảng dạy. Hội nghị cũng tổ chức thực hành giảng dạy, tạo điều kiện để giảng viên trực tiếp trải nghiệm và hoàn thiện phương pháp giảng dạy theo mô hình mới. Hội nghị là cơ sở quan trọng để Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tiếp tục cụ thể hóa các định hướng đổi mới của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

2. Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo mô hình “giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức và giá trị mới”

Ngày 25/6/2026, Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo mô hình “Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức và giá trị mới”. Dự và chỉ đạo buổi sinh hoạt có đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng; cùng dự có các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng và giảng viên Nhà trường.

Tại buổi sinh hoạt, đồng chí Nguyễn Thị Hồng Mây, Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật và đồng chí Hồ Sĩ Bách, giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật đã thực hiện mô hình đồng giảng đối với nội dung về chính quyền địa phương ở Việt Nam trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị. Nội dung bài giảng được triển khai theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực của người học; tăng cường trao đổi, thảo luận, liên hệ thực tiễn và cùng tham gia kiến tạo tri thức.

Phát biểu chỉ đạo, đồng chí Phạm Việt Đức ghi nhận, đánh giá cao tinh thần đổi mới phương pháp giảng dạy của Khoa Nhà nước và pháp luật. Đồng thời, nhấn mạnh, mô hình “Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức và giá trị mới” là hướng tiếp cận hiện đại, phù hợp với yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng hiện nay.

Buổi sinh hoạt chuyên môn góp phần tạo diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, thống nhất nhận thức về đổi mới phương pháp giảng dạy và lan tỏa hiệu quả mô hình “Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức và giá trị mới” trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

3. Khai giảng lớp bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Sáng ngày 12/6/2026, tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, Văn phòng Đề án 587 thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Nhà trường tổ chức khai giảng Lớp Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị theo Quyết định số 3043-QĐ/HVCTQG, ngày 04/6/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Dự lễ khai giảng, về phía Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có TS Ngô Ngân Hà, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Đề án 587; PGS, TS Đặng Quang Định, Viện trưởng Viện Triết học cùng các

đồng chí lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đề án 587. Về phía Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên có PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường; các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng và các học viên đến từ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh, Trường Chính trị Hoàng Đình Giong tỉnh Cao Bằng và Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn.

Các học viên của lớp bồi dưỡng được truyền đạt nhiều chuyên đề chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, kỹ năng xây dựng và triển khai đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng, kỹ năng công bố kết quả nghiên cứu và vận dụng nghiên cứu khoa học vào nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh nội dung lý thuyết, học viên còn được tham gia thảo luận, thực hành, nghiên cứu thực tế và xây dựng đề cương nghiên cứu.

Việc tổ chức lớp bồi dưỡng có ý nghĩa thiết thực trong nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học lý luận chính trị cho đội ngũ giảng viên các trường chính trị, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện mục tiêu xây dựng trường chính trị đạt chuẩn trong giai đoạn hiện nay.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI...

(Tiếp theo trang 57)

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 117.

4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Điều 5.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 158 - 159.

6. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền*

thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, phát biểu ngày 18/11/2023.

7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), *Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*.

8. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*.



Các đại biểu chụp ảnh lưu niệm cùng tập thể Lớp Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị tổ chức tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.



Đồng chí Đỗ Tài, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng cùng Khoa Nhà nước và pháp luật tham dự Hội nghị sơ kết 3 năm phối hợp thực hiện mô hình “Nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học” tại Trường Chính trị tỉnh Lào Cai.



Đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng tham dự sinh hoạt chuyên đề quý II năm 2026 cùng Chi bộ Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa 61, hệ tập trung gắn với hành trình về nguồn tại Khu Di tích lịch sử Quốc gia Đại đội 915, Đội 91 Bắc Thái.



Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa 77, hệ không tập trung đi nghiên cứu thực tế tại Khu di tích Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.